

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2026*

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa phục vụ giảng dạy cho Khoa Khoa học và công nghệ vật liệu năm học 2026-2027, nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

- Yêu cầu đơn vị báo giá tuân thủ theo số thứ tự danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (Phụ lục 1), đối với mục hàng hóa không báo giá được giữ nguyên tên hàng hóa, để trống đơn giá.**
- Tiếp nhận báo giá theo hình thức:
  - Nhận trực tiếp: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, TP. HCM. Số điện thoại: 028 38304094.
  - Nhận qua Email: [ctkoanh@hcmus.edu.vn](mailto:ctkoanh@hcmus.edu.vn)/Zalo: 0946855575 - Cao Thị Kiều Oanh.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo **đến hết ngày 14 tháng 8 năm 2026.**
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Báo giá có hiệu lực: Tối thiểu 120 ngày, **kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2026.**

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng **90 ngày** (bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).
- Điều khoản thương mại:
  - Tạm ứng: không áp dụng.
  - Phương thức thanh toán: thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng.
  - Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.
- Điều khoản giao hàng/bảo hành/khắc phục sửa chữa:
  - Địa điểm giao hàng: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên- số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương thức giao hàng: Bàn giao hàng hóa, kiểm tra thông số, số lượng và hướng dẫn sử dụng (nếu có).
- Địa điểm bảo hành: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thay thế nguyên vật liệu bị hỏng do điều kiện bảo quản của nhà cung cấp: nứt, bể, vỡ trong quá trình vận chuyển... nhanh nhất (trong vòng 24 giờ) trừ trường hợp bất khả kháng (công văn yêu cầu xác nhận thực tế).

5. Thành phần hồ sơ báo giá:

- Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục 2.
- Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
- Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

6. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.
- Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Trân trọng thông báo.

**TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ**

**(Đã ký)**

**Lê Thị Nga**

### PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

| STT | Danh mục hàng hóa                                                             | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ              | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|--------------|----------------------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|---------|
| 1   | Hạt nhựa LLDPE                                                                | LLD 218w   |           |              | Sabir (Saudi Arabia) |               |                             | Bao 25 kg   | 1        |         |
| 2   | Hạt nhựa LDPE                                                                 | LD2426k    |           |              | Thái Lan             |               |                             | Bao 25 kg   | 1        |         |
| 3   | Hạt nhựa PP                                                                   | PP 1102k   |           |              | Thái Lan             |               |                             | Bao 25 kg   | 1        |         |
| 4   | Nhựa epoxy (keo AB) trong suốt (đã tính kèm chất đóng rắn triethyltetraamine) |            |           |              | Việt Nam             |               |                             | Kg          | 15       |         |
| 5   | Bàn chải đồng cán gỗ 200x30mm                                                 |            |           |              | Việt Nam             |               |                             | Cái         | 8        |         |
| 6   | Cây sủi cán gỗ (30mm)                                                         |            |           |              | Trung Quốc           |               |                             | cái         | 5        |         |
| 7   | Muồng mức hóa chất inox 2 đầu tròn 20 cm                                      |            |           |              | Onelab/TQ            |               |                             | cái         | 5        |         |
| 8   | Bao tay bảo hộ lao động phủ cao su dày                                        |            |           |              | Việt Nam             |               |                             | cặp         | 20       |         |
| 9   | Túi zip chỉ đỏ 20 x 30 cm                                                     |            |           |              | Việt Nam             |               |                             | Kg          | 2        |         |
| 10  | Khăn giấy cuộn                                                                |            |           |              | Việt Nam             |               |                             | lốc 10 cuộn | 10       |         |
| 11  | Bao tay nhựa                                                                  |            |           |              | TQ                   |               |                             | hộp         | 5        |         |
| 12  | Khuôn silicon đồ thủ công kích thước 200 ´ 250 ´ 5 mm                         |            |           |              | TQ                   |               |                             | cái         | 10       |         |
| 13  | Ly nhựa 360 ml (nhựa PP loại dày) không kèm nắp                               |            |           |              | Việt Nam             |               |                             | lốc 50 ly   | 3        |         |
| 14  | Đề lưỡi gỗ                                                                    |            |           |              | Việt Nam             |               |                             | hộp         | 1        |         |
| 15  | Màng PET chịu nhiệt 220 °C (dạng tấm cuộn thành cuộn) độ dày 0,3              |            |           |              | Việt Nam             |               |                             | Mét dài     | 5        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                               | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ     | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------|------------|-----------|--------------|-------------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|---------|
|     | mm                                              |            |           |              |             |               |                             |             |          |         |
| 16  | Giấy nhám P180                                  |            |           |              | Việt Nam    |               |                             | tờ          | 50       |         |
| 17  | Bút lông dầu Thiên Long                         | PM-04      |           |              | Việt Nam    |               |                             | hộp         | 1        |         |
| 18  | Kéo lớn K20                                     |            |           |              | Việt Nam    |               |                             | cái         | 3        |         |
| 19  | Natri sulfat (Na <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> ) |            |           |              | Xilong      |               |                             | Chai 500 g  | 3        |         |
| 20  | Natri bisulfit (NaHSO <sub>3</sub> )            |            |           |              | Xilong      |               |                             | Chai 500 g  | 3        |         |
| 21  | Formaldehyde 37%                                |            |           |              | TQ          |               |                             | Chai 500 ml | 8        |         |
| 22  | Toluen tinh khiết                               |            |           |              | Chemsol     |               |                             | Chai 500ml  | 16       |         |
| 23  | PU foam loại nở chậm (1 kg MDI +1kg Polyol)     |            |           |              | VN          |               |                             | Bộ          | 2        |         |
| 24  | Cồn 96                                          |            |           |              | Công nghiệp |               |                             | lit         | 30       |         |
| 25  | Aceton                                          |            |           |              | Công nghiệp |               |                             | lit         | 30       |         |
| 26  | Ure (CH <sub>4</sub> N <sub>2</sub> O)          |            |           |              | Xilong      |               |                             | Chai 500 g  | 5        |         |
| 27  | Phenoltalein                                    |            |           |              | Xilong      |               |                             | chai 25g    | 2        |         |
| 28  | NaOH                                            |            |           |              | Xilong      |               |                             | Chai 500 g  | 6        |         |
| 29  | Axit acetic, CH <sub>3</sub> COOH               |            |           |              | TQ          |               |                             | Chai 500 ml | 6        |         |
| 30  | Ammonia Solution, NH <sub>4</sub> OH            |            |           |              | TQ          |               |                             | Chai 500 ml | 4        |         |
| 31  | Hydro peroxide, H <sub>2</sub> O <sub>2</sub>   |            |           |              | TQ          |               |                             | Chai 500 ml | 10       |         |
| 32  | Hydrochloric acid, HCL                          |            |           |              | Xilong      |               |                             | Chai        | 4        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                           | Ký mã hiệu      | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ     | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------|-------------|---------------|-----------------------------|--------------|----------|---------|
|     |                                                             |                 |           |              |             |               |                             | 500 ml       |          |         |
| 33  | Keo Sữa ATM A.135                                           |                 |           |              | VN          |               |                             | túi 1kg      | 1        |         |
| 34  | Vinyl acetate, C <sub>4</sub> H <sub>6</sub> O <sub>2</sub> |                 |           |              | Merck       |               |                             | Chai 1000 Ml | 1        |         |
| 35  | Nước rửa tay lifebuoy túi 392 ml                            |                 |           |              | Việt Nam    |               |                             | chai         | 8        |         |
| 36  | Can nhựa thu hồi (30L)                                      |                 |           |              | Việt Nam    |               |                             | cái          | 4        |         |
| 37  | Bao tay nylon                                               |                 |           |              | gói/100c    |               |                             | hộp          | 20       |         |
| 38  | Ống nghiệm thủy tinh f25*200 mm                             | Biohall germany |           |              | Biohall Đức |               |                             | Cái          | 10       |         |
| 39  | Khẩu trang y tế                                             |                 |           |              | Pharmacit y |               |                             | Hộp          | 10       |         |
| 40  | Cốc đốt thủy tinh 100 ml                                    |                 |           |              | ONELAB      |               |                             | Cái          | 20       |         |
| 41  | Cốc đốt thủy tinh 500 ml                                    |                 |           |              | ONELAB      |               |                             | Cái          | 20       |         |
| 42  | Quả bóp cao su                                              |                 |           |              | Việt Nam    |               |                             | cái          | 10       |         |
| 43  | Bình tia nhựa 500ml                                         |                 |           |              | Alzon       |               |                             | cái          | 10       |         |
| 44  | Nhiệt kế rượu 150 độ                                        |                 |           |              | isolab      |               |                             | cái          | 20       |         |
| 45  | Đũa thủy tinh 20cm                                          |                 |           |              | isolab      |               |                             | cái          | 20       |         |
| 46  | Giấy vệ sinh                                                |                 |           |              | An An       |               |                             | cuộn         | 100      |         |
| 47  | Sticker dán tên mẫu                                         |                 |           |              | Việt Nam    |               |                             | bịch         | 10       |         |
| 48  | Ống đông thủy tinh                                          |                 |           |              | Bomex       |               |                             | cái          |          |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                               | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ     | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------|------------|-----------|--------------|-------------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|---------|
|     | 10ml                                            |            |           |              | TQ          |               |                             |             | 10       |         |
| 49  | Ống đong thủy tinh 50ml                         |            |           |              | ONELAB      |               |                             |             | 10       |         |
| 50  | Bình cầu đáy tròn 3 cổ 500 ml (nhám 1×29 / 32)  |            |           |              | Biohall Đức |               |                             | cái         | 4        |         |
| 51  | Bình cầu đáy tròn 3 cổ 1000 ml (nhám 1×29 / 32) |            |           |              | Biohall Đức |               |                             | cái         | 2        |         |
| 52  | Màng bọc thực phẩm PVC 30 cm x 450m             |            |           |              | Việt Nam    |               |                             | cuộn        | 2        |         |
| 53  | Ly nhựa dùng 1 lần loại 500 ml                  |            |           |              | Việt Nam    |               |                             | lốc         | 3        |         |
| 54  | Ly nhựa dùng 1 lần loại 200 ml                  |            |           |              | Việt Nam    |               |                             | lốc         | 3        |         |
| 55  | Cá từ dẹp 3cm                                   |            |           |              | Trung Quốc  |               |                             | cái         | 6        |         |
| 56  | Dầu thay máy bơm chân không                     |            |           |              | Việt Nam    |               |                             | lít         | 3        |         |
| 57  | Giấy nhám P400                                  |            |           |              | Việt Nam    |               |                             | tờ          | 10       |         |
| 58  | Túi Zip 9x14 cm                                 |            |           |              | Việt Nam    |               |                             | kg          | 3        |         |
| 59  | Kẹp bình cầu, kẹp sinh hàng 2 càng kim loại     |            |           |              | Việt Nam    |               |                             | cái         | 20       |         |
| 60  | Ống nước PVC dẻo phi 10                         |            |           |              | Việt Nam    |               |                             | mét         | 20       |         |
| 61  | Băng keo đen quấn dây điện                      |            |           |              | Việt Nam    |               |                             | cuộn        | 10       |         |
| 62  | Băng keo Cao su non                             |            |           |              | Việt Nam    |               |                             | cuộn        | 10       |         |
| 63  | Cá từ bầu 3 cm                                  |            |           |              | Trung       |               |                             | cái         | 6        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                   | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------|------------|-----------|--------------|------------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|---------|
|     |                                                     |            |           |              | Quốc       |               |                             |             |          |         |
| 64  | Pipet pasteur nhựa 3ml non-sterile BIOLOGIX 30-0138 |            |           |              | Việt Nam   |               |                             | Hộp 500 cái | 2        |         |
| 65  | Xoong nhôm inox size 22                             |            |           |              | Việt Nam   |               |                             | cái         | 8        |         |
| 66  | Túi rác 55x65 cm                                    |            |           |              | Việt Nam   |               |                             | cuộn        | 10       |         |
| 67  | Muỗng múc hóa chất 2 đầu 20cm                       |            |           |              | Việt Nam   |               |                             | cái         | 10       |         |
| 68  | Ống sinh hàn nhám 250mm (cổ 29/32)                  |            |           |              | Trung Quốc |               |                             | cái         | 7        |         |
| 69  | Kéo thủ công văn phòng 211 mm                       |            |           |              | Việt Nam   |               |                             | Cái         | 6        |         |
| 70  | Nước Rửa Chén Sunlight 750g                         |            |           |              | Việt Nam   |               |                             | Chai        | 6        |         |
| 71  | Miếng cọ xoong nồi 2 mặt bọt biển                   |            |           |              | Việt Nam   |               |                             | cái         | 10       |         |
| 72  | Chổi cọ rửa ống nghiệm loại trung                   |            |           |              | Việt Nam   |               |                             | cái         | 10       |         |
| 73  | Chổi cọ rửa bình tam giác 39 cm                     |            |           |              | Việt Nam   |               |                             | cái         | 10       |         |
| 74  | Bếp gia nhiệt ( SHP-20A, 180x180 mm)                |            |           |              | Hàn Quốc   |               |                             | cái         | 4        |         |
| 75  | Hộp đầu tip có lọc tiết trùng 10ul, Hộp/96 cái      | NLD059     | ABT       |              | Việt Nam   |               |                             | Hộp/96c     | 7        |         |
| 76  | Hộp đầu tip lọc tiết trùng 0-200 ul, Hộp/96 cái     | NLD057     | ABT       |              | Việt Nam   |               |                             | Hộp/96c     | 7        |         |
| 77  | Hộp Đầu tip có lọc tiết trùng 1000ul, hộp/96 cái    | NLD055     | ABT       |              | Việt Nam   |               |                             | Hộp/96c     | 7        |         |
| 78  | Găng tay size S                                     | Không bột  | Top Glove |              | Malaysia   |               |                             | Hộp/100c    | 9        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                | Ký mã hiệu  | Nhãn hiệu       | Năm sản xuất | Xuất xứ   | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|--------------|-----------|---------------|-----------------------------|--------------|----------|---------|
| 79  | Găng tay size M                                                                  | Không bột   | Top Glove       |              | Malaysia  |               |                             | Hộp/ 100c    | 8        |         |
| 80  | Găng tay size L                                                                  | Không bột   | Top Glove       |              | Malaysia  |               |                             | Hộp/ 100c    | 8        |         |
| 81  | Khẩu trang nhiều lớp-hộp 50 cái-VN                                               |             | PA              |              | Malaysia  |               |                             | Hộp/ 50c     | 7        |         |
| 82  | Giấy Puppy vuông                                                                 |             | Pulppy          |              | Việt Nam  |               |                             | Gói/ 80t     | 10       |         |
| 83  | Oligonucleotide 38 base, 100nmol 5'-GGGTTGGGGTCG TTTTGTCGTTTTG TCGTTGGGTTGG G-3' | PRI-03.100  | ABT             |              | Việt Nam  |               |                             | Ống          | 2        |         |
| 84  | TopSAFE Agarose Electrophoresis                                                  | AEP-01      | ABT             |              | Việt Nam  |               |                             | Hộp/ 50 test | 3        |         |
| 85  | Gelred 6x DNA-DD-012/1ml                                                         | DD-012      | ABT             |              | Việt Nam  |               |                             | Ống          | 1        |         |
| 86  | AgarCult Tryptic Soy Agar (90mm), Hộp/ 10 đĩa                                    | TSA9010     | Việt Nam        |              |           |               |                             | Đĩa          | 40       |         |
| 87  | Nước cất                                                                         | 2 Lần       | Việt Nam        |              |           |               |                             | Lít          | 30       |         |
| 88  | Chai thủy tinh trắng 1000 ml, nắp vặn xanh                                       | BLS.1105.06 | Biohall Germany |              | Ấn Độ     |               |                             | Cái          | 2        |         |
| 89  | Chai thủy tinh trắng 500 ml, nắp vặn xanh                                        | BLS.1105.05 | Biohall Germany |              | Ấn Độ     |               |                             | Cái          | 3        |         |
| 90  | Bộ cây lau nhà xoay tay Compact Spin Mop                                         | ETM466      | Lock&Lock       |              | Lock&Lock |               |                             | Cái          | 1        |         |



| STT | Danh mục hàng hóa                           | Ký mã hiệu  | Nhãn hiệu     | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất                         | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                                                            | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------|-------------|---------------|--------------|------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|---------|
| 91  | Dung dịch đệm, Phosphate buffered saline    | P3813       | Sigma Aldrich | 2024         |            |                                       |                                                                                                                                        | Gói          | 3        |         |
| 92  | Tris-Glycine Mini Protein Gels, 12%, 1.0 mm | XP00122B OX | Invitrogen    |              |            |                                       |                                                                                                                                        | Gói/ 12c     | 1        |         |
| 93  | Bột chitosan                                |             |               |              |            | Fisher, Mỹ                            |                                                                                                                                        | Chai 1250 mg | 1        |         |
| 94  | Axit oleic C17H33COOH                       |             |               |              |            | Fisher, Mỹ                            | > 70%                                                                                                                                  | Chai 1 L     | 2        |         |
| 95  | Ethanol                                     |             |               |              |            | Chemso l, Viet nam                    |                                                                                                                                        | Chai 500 mL  | 20       |         |
| 96  | cyclohexan C6H12                            |             |               |              |            | Trung quốc                            | 99,50%                                                                                                                                 | Chai 500 mL  | 2        |         |
| 97  | Cloroform CHCl3                             |             |               |              |            | Chemso l, Vietnam                     | 99%                                                                                                                                    | Chai 500 mL  | 2        |         |
| 98  | Ammonia Solution, NH4OH                     | 1.06073.028 | GHTECH        | 2024         | Trung Quốc | Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd. | Dạng vật chất: Là chất lỏng không màu, mùi hắc. Tỷ trọng tương đối (nước = 1): 0,91                                                    | Chai/ 500 ml | 1        |         |
| 99  | Phosphorus acid, H3PO4                      | 1.14004.048 | GHTECH        | 2024         | Trung Quốc | Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd. | Nồng độ phần trăm: ≥ 85,0%,<br>Dạng vật chất: Chất kết tinh không màu, không mùi, có vị chua.<br>Tỷ trọng tương đối: 1,87 (tinh khiết) | Chai/ 500 ml | 1        |         |
| 100 | Ethanol, C2H5OH                             | 64-17-5-500 | Chemsol       | 2024         | Việt Nam   | VINA CHEM                             | Nồng độ phần trăm: 96%<br>Dạng vật chất: Chất lỏng                                                                                     | Chai/ 500 ml | 13       |         |

| STT | Danh mục hàng hóa             | Ký mã hiệu             | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất                         | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                                          | Đơn vị tính   | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|------------------------|-----------|--------------|------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|---------|
|     |                               |                        |           |              |            |                                       | Trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng                                                                              |               |          |         |
| 101 | Sulfuric acid, H2SO4          | 1.14006.028            | GHTECH    | 2024         | Trung Quốc | Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd. | Dạng vật chất: Sản phẩm nguyên chất là chất lỏng nhớt trong suốt không màu, không mùi.<br>Tỉ trọng tương đối: 1,83   | Chai/ 500 ml  | 1        |         |
| 102 | Hydrogen peroxide 30%, H2O2   | 1.01101.025            | GHTECH    | 2024         | Trung Quốc | Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd. | Nồng độ phần trăm: $\geq 30,0\%$<br>Dư lượng hóa hơi: $\leq 0,005\%$<br>Nồng độ Acidity(as H+),mmol/100g: $\leq 0,1$ | Chai/ 500 ml  | 1        |         |
| 103 | Găng tay không bột size M     | Latex-không bột Size M | Top Glove | 2024         | Việt Nam   | Top Glove                             | Chất liệu: Cao su tự nhiên Size M, Không bột chưa tiệt trùng.                                                        | Hộp/ 100 cái  | 10       |         |
| 104 | Giấy lụa cuộn                 | 3054653                | Pulppy    | 2024         | Việt Nam   | Công ty TNHH NewToy o Puppy VN        | 100% bột giấy nguyên chất<br>Dạng cuộn, giấy vệ sinh 2 lớp                                                           | Cuộn          | 20       |         |
| 105 | Thìa Micro 180 mm             | 047.06.180             | ISOLAB    | 2024         | Trung Quốc | ISOLAB Laborgeräte GmbH               | Vật liệu: Thép không gỉ<br>Kích thước: 180 mm                                                                        | Cái           | 2        |         |
| 106 | Quả bóp cao su 90 ml          | US-C43990-0090         | ONELAB    | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                        | Vật liệu: Cao su<br>Dung tích hút: 90 ml                                                                             | Cái           | 6        |         |
| 107 | Bình định mức màu trắng 50 ml | 1621.50                | ONELAB    | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                        | Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa<br>Dung tích: 50 ml                                                           | Cái           | 4        |         |
| 108 | Nước rửa chén 750 gam         | 3120314                | Sunlight  | 2024         | Việt Nam   | UNILEVER                              | Nước rửa chén: hương chanh                                                                                           | Chai/ 750 gam | 4        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                            | Ký mã hiệu            | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất                         | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                                                | Đơn vị tính      | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------|-----------------------|-----------|--------------|------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------|---------|
|     |                                              |                       |           |              |            |                                       | Dung tích: 750 gam<br>An toàn cho người sử dụng                                                                            |                  |          |         |
| 109 | Giấy cân 10x10 cm                            | C14650<br>004P        | ONELAB    | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                        | Vật liệu: Giấy<br>Kích thước: 100 x100 mm                                                                                  | Hộp/<br>500 tờ   | 4        |         |
| 110 | Màng bọc thực phẩm 30 m                      | 3271244               | Ringo     | 2024         | Việt Nam   | Ringo                                 | Thành phần: Nhựa PVC<br>Kích thước: Dài 30 m x rộng 30 cm                                                                  | Cuộn             | 4        |         |
| 111 | Giấy nhôm                                    | 3276909               | Sakura    | 2024         | Việt Nam   | Sài Gòn Coop                          | Trọng lượng/khối lượng: 30 cm x 7 m<br>Thành phần: Hợp kim nhôm                                                            | Cuộn             | 4        |         |
| 112 | Cọ rửa ống nghiệm 16 cm                      | Cọ 160                | ONELAB    | 2024         | Việt Nam   | Hữu Đạt                               | Vật liệu: Thép<br>Dài: 160 mm                                                                                              | Cái              | 5        |         |
| 113 | Chai thủy tinh trắng 100 ml, nắp vặn xanh    | 1408-01-100           | ONELAB    | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                        | Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3, nắp vặn<br>Dung tích: 100 ml                                                                 | Cái              | 5        |         |
| 114 | Chai thủy tinh trắng 200 ml, nắp vặn xanh    | 1408-01-100           | ONELAB    | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                        | Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3, nắp vặn<br>Dung tích: 100 ml                                                                 | Cái              | 5        |         |
| 115 | Chai thủy tinh Vial trắng 10 ml+ Nắp vặn kín | C0000053+C<br>0000221 | Alwsci    | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang ALWSC I Technologies Co.,Ltd | Chai:<br>Vật liệu: Thủy tinh<br>Dung tích: 10 ml<br>Đường kính: 22x52 mm<br>Nắp:<br>Vật liệu: Nhựa PP<br>Kích thước: 18 mm | Cái              | 100      |         |
| 116 | Ethanol, C <sub>2</sub> H <sub>6</sub> O     | 1009832511            | Merck     | 2024         | Đức        | Merck                                 | Cấp độ: 300<br>Mật độ hơi: 1,59 (so với không khí)<br>Áp suất hơi: 59 hPa (20 °C)                                          | Chai/<br>2,5 Lit | 1        |         |
| 117 | Bình tia 500 ml, miệng hẹp                   | US-C46041-<br>0500    | ONELAB    | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                        | Dung tích: 500 ml<br>Vật liệu: Nhựa LDPE                                                                                   | Cái              | 4        |         |
| 118 | Ống đong thủy tinh 10                        | 1601-10               | ONELAB    | 2024         | Trung      | Zhejiang                              | Vật liệu: Thủy tinh                                                                                                        | Cái              | 5        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                         | Ký mã hiệu  | Nhãn hiệu         | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất    | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                        | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------|-------------|-------------------|--------------|------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
|     | ml                                        |             |                   |              | Quốc       | g Huili          | Dung tích: 10 ml                                                                   |             |          |         |
| 119 | Ống đong thủy tinh 25 ml                  | 1601-10     | ONELAB            | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili   | Vật liệu: Thủy tinh<br>Dung tích: 10 ml                                            | Cái         | 5        |         |
| 120 | Ống đong thủy tinh 50 ml                  | 1601-10     | ONELAB            | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili   | Vật liệu: Thủy tinh<br>Dung tích: 10 ml                                            | Cái         | 5        |         |
| 121 | Cốc thủy tinh thấp thành 25ml, chịu nhiệt | BLS.1000.03 | Biohall Germany   | 2024         | Ấn Độ      | Biohall          | Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3<br>Dung tích: 25ml<br>Tiêu chuẩn: DIN 12331, ISO 3819 | Cái         | 4        |         |
| 122 | Cốc thủy tinh 50 ml                       | 1101-50     | ONELAB            | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili   | Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3<br>Dung tích: 50 ml<br>Chiều cao: 60 mm               | Cái         | 12       |         |
| 123 | Cốc thủy tinh 100 ml                      | 1101-50     | ONELAB            | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili   | Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3<br>Dung tích: 50 ml<br>Chiều cao: 60 mm               | Cái         | 12       |         |
| 124 | Cốc thủy tinh 250 ml                      | 1101-100    | ONELAB            | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili   | Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3<br>Dung tích: 100 ml<br>Chiều cao: 70 mm              | Cái         | 12       |         |
| 125 | Cốc thủy tinh 500 ml                      | 1101-50     | ONELAB            | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili   | Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3<br>Dung tích: 50 ml<br>Chiều cao: 60 mm               | Cái         | 5        |         |
| 126 | Thanh khuấy từ 6*15 mm                    | 070.001.015 | DINLAB Laboratory | 2024         | Trung Quốc | Dongguan Changli | Vật liệu: Thép từ tính bọc PTFE<br>Kích thước: 6 x 15 mm<br>Hình dạng: Trụ tròn    | Cái         | 4        |         |
| 127 | Thanh khuấy từ 6*25 mm                    | 070.001.025 | DINLAB Laboratory | 2024         | Trung Quốc | Dongguan Changli | Vật liệu: Thép từ tính bọc PTFE<br>Kích thước: 6 x 25 mm<br>Hình dạng: Trụ tròn    | Cái         | 4        |         |
| 128 | Giấy pH 1-14                              | PHT1-14     | ONELAB            | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili   | Dãy số màu: 1-14<br>Tập: 80 test                                                   | Tập         | 5        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                      | Ký mã hiệu      | Nhãn hiệu         | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất  | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------|--------------|------------|----------------|------------------------------------------------------------|--------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 129 | Dán nhãn 10x29 mm                                                                      | No.123          | Tomy              | 2024         | Việt Nam   | Tomy           | Kích thước: 10x29 mm<br>có phủ lớp keo dính, nền trắng     | Xấp          | 2        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 130 | Thìa mức hóa chất 2 đầu tròn 200 mm                                                    | SS300-200A      | ONELAB            | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili | Vật liệu: Thép không gỉ<br>Dài: 200 mm                     | Cái          | 6        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 131 | cuvet nhựa 4 mặt                                                                       |                 |                   |              |            |                |                                                            | Hộp 100 cái  | 1        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 132 | cuvet thủy tinh 4 mặt                                                                  |                 |                   |              |            |                |                                                            | Cái          | 5        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 133 | Hộp Petri thủy tinh 80*15 mm                                                           | 632 492 003 080 | DINLAB Laboratory | 2024         | Czech      | Technos klo    | Vật liệu: Thủy tinh soda<br>Đường kính/chiều cao: 80/15 mm | Cái          | 4        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 134 | Bộ cối chày sứ Ø100 mm                                                                 | C33595-0100     | ONELAB            | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili | Vật liệu: Sứ<br>Đường kính cối: 100 mm                     | Bộ           | 4        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 135 | Ống hút mẫu, pipette 1 ml                                                              | 1-1630          | ONELAB            | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili | Dung tích: 1 ml<br>Sai số: 0,008 ml                        | Cái          | 4        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 136 | Ống hút mẫu, pipette 25 ml                                                             | 25-1630         | ONELAB            | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili | Dung tích: 25 ml<br>Sai số: 0,1 ml                         | Cái          | 2        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 137 | Ống nhỏ giọt nhựa, Pipette pasteur 3 mL                                                | US-C43810040PH  | ONELAB            | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili | Dung tích: 3 ml<br>Chiều dài: 155 mm                       | Hộp/ 500 cái | 1        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 138 | Zinc oxide, dispersion nanoparticles, <110 nm particle size, 40 wt. % in butyl acetate | 721093          | Sigma Aldrich     |              |            |                |                                                            | Chai 100 ml  | 1        | <a href="https://www.sigmaaldrich.com/VN/vi/products/aldrich/721093">https://www.sigmaaldrich.com/VN/vi/products/aldrich/721093</a>                                                                                                                                                                                 |
| 139 | Butyl acetate ACS reagent, ≥99.5%                                                      | 402842          | Sigma Aldrich     |              |            |                |                                                            | Chai 1 lit   | 1        | <a href="https://www.sigmaaldrich.com/VN/vi/search/butyl-acetate?focus=products&amp;page=1&amp;perpage=30&amp;sort=relevance&amp;term=Butyl%20acetate&amp;t">https://www.sigmaaldrich.com/VN/vi/search/butyl-acetate?focus=products&amp;page=1&amp;perpage=30&amp;sort=relevance&amp;term=Butyl%20acetate&amp;t</a> |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                           | Ký mã hiệu               | Nhãn hiệu      | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------|--------------|---------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                             |                          |                |              |         |               |                             |             |          | <a href="#">ype=product</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 140 | Graphene oxide dispersion<br>2 mg/mL, dispersion in H <sub>2</sub> O, avg. no. of layers, 1 | 763705                   | Sigma Aldich   |              |         |               |                             | Chai 100 ml | 1        | <a href="https://www.sigmaaldrich.com/VN/vi/search/graphene-oxide?focus=products&amp;page=1&amp;perpage=30&amp;sort=relevance&amp;term=Graphene%20oxide&amp;type=product">https://www.sigmaaldrich.com/VN/vi/search/graphene-oxide?focus=products&amp;page=1&amp;perpage=30&amp;sort=relevance&amp;term=Graphene%20oxide&amp;type=product</a> |
| 141 | L -Ascorbic acid 99 50-81-7                                                                 | A92902                   | Sigma Aldich   |              |         |               |                             | Chai 100 g  | 1        | <a href="https://www.sigmaaldrich.com/VN/vi/product/sial/a92902">https://www.sigmaaldrich.com/VN/vi/product/sial/a92902</a>                                                                                                                                                                                                                   |
| 142 | Găng tay không bột                                                                          | Vglove size M, L         | Trung Quốc     |              |         |               |                             | Hộp         | 5        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 143 | Khăn lau phòng sạch                                                                         | Cleanroom Wiper 8009     | Trung Quốc     |              |         |               |                             | Túi         | 5        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 144 | Khăn lau phòng sạch                                                                         | Bemcot M3                | Trung Quốc     |              |         |               |                             | Túi         | 5        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 145 | Băng keo chịu nhiệt Kapton, bề rộng 3 mm, 5 mm, 10 mm                                       | KPT-260 (Polyimide Tape) | Trung Quốc     |              |         |               |                             | Cuộn        | 10       | (mỗi loại 3-4 cuộn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 146 | Dung môi Acetone công nghiệp                                                                |                          | Trung Quốc     |              |         |               |                             | Can 30 L    | 1        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 147 | Cồn công nghiệp 90 độ                                                                       |                          | Trung Quốc     |              |         |               |                             | Can 30 L    | 1        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 148 | Lam kính tròn marienfeld, 76x26 mm                                                          |                          | Marienfeld Đức |              |         |               |                             | Hộp         | 5        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 149 | D-glucose                                                                                   |                          | Sigma          |              |         |               |                             | Chai        | 2        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                            | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu      | Năm sản xuất | Xuất xứ  | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------|--------------|----------|---------------|-----------------------------|--------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                              | 50-99-7    | Aldich         |              |          |               |                             | 500 g        |          |                                                                                                                                                                                                                                   |
| 150 | Màng lọc thẩm tách MWCO 1 kDa                                                |            | Spectra/Por® 7 |              |          |               |                             | Mét          | 1        | <a href="https://www.carlroth.com/pl/en/dialysis-hose-membranes/dialysis-membrane-spectra-por-7-mwco-1000/p/e853.1">https://www.carlroth.com/pl/en/dialysis-hose-membranes/dialysis-membrane-spectra-por-7-mwco-1000/p/e853.1</a> |
| 151 | BiVO4 - NPs < 200 nm                                                         | -          | Đức/TQ         |              |          |               |                             | Chai 100gram | 1        |                                                                                                                                                                                                                                   |
| 152 | TiO2 - NPs < 200 nm                                                          | 236-675-5  | Đức/TQ         |              |          |               |                             | Chai 100gram | 1        |                                                                                                                                                                                                                                   |
| 153 | Cuvet thạch anh                                                              |            |                |              |          |               |                             | Cái          | 3        |                                                                                                                                                                                                                                   |
| 154 | Đèn UV 100W                                                                  |            |                |              |          |               |                             | Cái          | 2        |                                                                                                                                                                                                                                   |
| 155 | Pipet + Đĩa petri + Becher 500 mL + cá từ + găng tay + khẩu trang + Giấy cân |            |                |              |          |               |                             | Cái          | 8        | 4 bộ                                                                                                                                                                                                                              |
| 156 | Polydimethylsiloxane, PDMS (SYLGARD 184 Elastomer Kit)                       | 761036     | Sigma          |              |          |               |                             | Bộ 10g       | 5        | <a href="https://www.sigmaaldrich.com/VN/vi/product/aldrich/761036">https://www.sigmaaldrich.com/VN/vi/product/aldrich/761036</a>                                                                                                 |
| 157 | Cồn Ethanol 96, Việt Nam                                                     |            | Việt Nam       |              |          |               |                             | Lít          | 20       |                                                                                                                                                                                                                                   |
| 158 | (CH3)2CO Aceton-chai/500ml                                                   |            | Chemsol        |              | Việt Nam |               |                             | Chai/500ml   | 20       |                                                                                                                                                                                                                                   |
| 159 | Ethanol-C2H5OH-Chai/500ml chemsol                                            |            | Chemsol        |              | Việt Nam |               |                             | Chai/500ml   | 20       |                                                                                                                                                                                                                                   |
| 160 | Pipet thẳng 2ml /                                                            |            | ONELAB         |              | Trung    |               |                             | Cái          | 10       |                                                                                                                                                                                                                                   |

| STT | Danh mục hàng hóa                                      | Ký mã hiệu   | Nhãn hiệu          | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------|--------------------|--------------|------------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|---------|
|     | ONELAB                                                 |              |                    |              | Quốc       |               |                             |             |          |         |
| 161 | Thanh khuấy từ 6*20mm-DINLAB Laborgeräte               |              | DINLAB Laborgeräte |              |            |               |                             | Cái         | 20       |         |
| 162 | Cốc thủy tinh 50ml/ ONELAB                             |              | ONELAB             |              | Trung Quốc |               |                             | Cái         | 50       |         |
| 163 | Nước rửa tay                                           |              | Lifebouy           |              | Việt Nam   |               |                             | Chai/ 450g  | 6        |         |
| 164 | Giấy Bạc( màng nhôm)                                   | 30cm x 5 mét | Việt Nam           |              |            |               |                             | cuộn        | 10       |         |
| 165 | Găng tay size M                                        | Không bột    | Top Glove          |              | Malaysia   |               |                             | Hộp/ 100c   | 20       |         |
| 166 | Lam kính tròn 76*26mm(50c/hộp)Super-1000000 Marienfeld |              | Marienfeld         |              |            |               |                             | Hộp         | 5        |         |
| 167 | Giấy cân 100x100mm,hộp 500 tờ                          |              | ONELAB             |              | Trung Quốc |               |                             | Hộp/ 500t   | 4        |         |
| 168 | Quả bóp cao su 1 van 90ml/ ONELAB                      |              | ONELAB             |              | Trung Quốc |               |                             | Cái         | 10       |         |
| 169 | Dụng cụ cắt kiếng                                      | AK-8737      | Asaki              |              | Trung Quốc |               |                             | Cái         | 2        |         |
| 170 | Giấy Puppy vuông                                       |              | Pulppy             |              | Việt Nam   |               |                             | Gói/ 80t    | 50       |         |
| 171 | Khẩu trang nhiều lớp-hộp 50 cái-VN                     |              | PA                 |              | Malaysia   |               |                             | Hộp/ 50c    | 5        |         |
| 172 | Dầu chân không LVO100                                  | Leybold      | Đức                |              |            |               |                             | Can/ 5L     | 1        |         |
| 173 | Lam kính tròn 76*26mm(50c/hộp)Super-1000000 Marienfeld |              |                    |              |            |               |                             | Hộp         | 5        |         |



| STT | Danh mục hàng hóa                  | Ký mã hiệu    | Nhãn hiệu   | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|---------------|-------------|--------------|------------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|---------|
| 174 | Khăn lau phòng sạch                | 9 inch        | Việt Nam    |              |            |               |                             | Túi/150c    | 10       |         |
| 175 | Bao tay nylon                      |               | Việt Nam    |              |            |               |                             | Hộp/100c    | 20       |         |
| 176 | Màng bọc thực phẩm                 | 30cm x 30 mét | Việt Nam    |              |            |               |                             | cuộn        | 20       |         |
| 177 | Giấy Bạc( màng nhôm)               | 30cm x 5 mét  | Việt Nam    |              |            |               |                             | cuộn        | 20       |         |
| 178 | Khẩu trang nhiều lớp-hộp 50 cái-VN |               | PA          |              | Malaysia   |               |                             | Hộp/50c     | 20       |         |
| 179 | Thìa cân 2 đầu tròn 200mm / ONELAB |               | ONELAB      |              | Trung Quốc |               |                             | Cái         | 30       |         |
| 180 | Khăn giấy lụa                      |               | Pulppy      |              | Việt Nam   |               |                             | Hộp/180t    | 20       |         |
| 181 | Găng tay size M                    | Không bột     | Top Glove   |              | Malaysia   |               |                             | Hộp/100c    | 20       |         |
| 182 | SiO2, chai/500g TQ                 |               | Trung Quốc  |              |            |               |                             | Chai/500g   | 4        |         |
| 183 | Iron(II,III) oxide nanopowder      | 637106-25G    | Sigma       |              |            |               |                             | Chai/25g    | 1        |         |
| 184 | Kẽm Oxide ZnO, chai 500g           |               |             |              |            |               |                             | Chai/500g   | 4        |         |
| 185 | Epoxy                              |               | Công nghiệp |              |            |               |                             | kg          | 5        |         |
| 186 | (CH3)2CO Acetone-CN                |               | Việt Nam    |              |            |               |                             | lit         | 50       |         |
| 187 | Ethanol-C2H5OH-Chai/500ml chemsol  |               | Chemsol     |              | Việt Nam   |               |                             | Chai/500ml  | 15       |         |
| 188 | Túi zipper                         |               | Việt Nam    |              |            |               |                             | kg          | 10       |         |
| 189 | Bút marker                         |               | Thiên Long  |              |            |               |                             | Cái         | 20       |         |
| 190 | Ly nhựa 350ml (Lốc/50c)            | Bán theo lốc  | Việt Nam    |              |            |               |                             | Cái         | 400      |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                                                         | Ký mã hiệu         | Nhãn hiệu          | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|---------|
| 191 | Bao tay nylon                                                                                                             |                    | Việt Nam           |              |            |               |                             | Hộp/100c    | 20       |         |
| 192 | Ống nghiệm tron 12x75mm/ ONELAB                                                                                           |                    | ONELAB             |              | Trung Quốc |               |                             | Cái         | 400      |         |
| 193 | Ống thủy tinh nhỏ giọt                                                                                                    | đã gồm nút cao su  | Việt Nam           |              |            |               |                             | Cái         | 100      |         |
| 194 | Khẩu trang nhiều lớp-hộp 50 cái-VN                                                                                        |                    | PA                 |              | Malaysia   |               |                             | Hộp/50c     | 20       |         |
| 195 | Giấy Bạc( màng nhôm)                                                                                                      | 30cm x 5 mét       | Việt Nam           |              |            |               |                             | cuộn        | 15       |         |
| 196 | Chai thủy tinh Vial trắng 5ml,18x40mm+ Nắp vặn kín 15-425 (màu trắng, PP), Septa 2mm natural PTFE/White Silicone - ALWSCI | C0000045+ C0000193 | Alwsci             |              | Trung Quốc |               |                             | Cái         | 600      |         |
| 197 | Màng quần PE                                                                                                              |                    | Việt Nam           |              |            |               |                             | cuộn        | 20       |         |
| 198 | Cọ quét sơn 3cm                                                                                                           |                    | Việt Nam           |              |            |               |                             | Cái         | 170      |         |
| 199 | Con lăn sơn nhỏ 6cm                                                                                                       |                    | Việt Nam           |              |            |               |                             | Cái         | 60       |         |
| 200 | Dây truyền dịch MPV                                                                                                       | kim thường         | MPV                |              | Trung Quốc |               |                             | Sợi         | 100      |         |
| 201 | Thanh khuấy từ Ovan 15*40-mm                                                                                              |                    | DINLAB Laborgeräte |              |            |               |                             | Cái         | 10       |         |
| 202 | Cốc thủy tinh 500ml/ ONELAB                                                                                               |                    | ONELAB             |              | Trung Quốc |               |                             | Cái         | 20       |         |
| 203 | Cốc thủy tinh 250ml/ ONELAB                                                                                               |                    | ONELAB             |              | Trung Quốc |               |                             | Cái         | 40       |         |
| 204 | Cốc thủy tinh 100ml/ ONELAB                                                                                               |                    | ONELAB             |              | Trung Quốc |               |                             | Cái         | 40       |         |
| 205 | Ống nhỏ giọt nhựa Pasteur 3ml /H=500c/                                                                                    |                    | ONELAB             |              | Trung Quốc |               |                             | Hộp/500c    | 5        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                                                             | Ký mã hiệu            | Nhãn hiệu  | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------|--------------|------------|---------------|-----------------------------|--------------|----------|---------|
|     | ONELAB                                                                                                                        |                       |            |              |            |               |                             |              |          |         |
| 206 | Chai thủy tinh Vial trắng 10ml, 22x52mm+ Nắp vặn kín 18-400 (màu trắng, PP), Septa 1.5mm Natural PTFE/White Silicone - ALWSCI | C0000053+<br>C0000221 | Alwsci     |              | Trung Quốc |               |                             | Cái          | 55       |         |
| 207 | Giấy cân 100x100mm, hộp 500 tờ                                                                                                |                       | ONELAB     |              | Trung Quốc |               |                             | Hộp/ 500t    | 2        |         |
| 208 | Giấy PH 1-14, tập=80 tờ, Newstar                                                                                              |                       | Newstar    |              | Trung Quốc |               |                             | Tập/ 80 test | 5        |         |
| 209 | Bong bóng                                                                                                                     |                       | Việt Nam   |              |            |               |                             | Túi/ 50c     | 2        |         |
| 210 | Dây Thun                                                                                                                      |                       | Việt Nam   |              |            |               |                             | kg           | 1        |         |
| 211 | Băng keo 2 mặt xốp                                                                                                            |                       | Việt Nam   |              |            |               |                             | cuộn         | 2        |         |
| 212 | Dán nhãn Tomy                                                                                                                 |                       | Tomy       |              | Việt Nam   |               |                             | Xấp          | 5        |         |
| 213 | Bút lông dầu                                                                                                                  |                       | Thiên Long |              |            |               |                             | Cái          | 20       |         |
| 214 | Màng parafilm PM996 (10cm X 38m)-Amcor                                                                                        |                       | Amcor      |              |            |               |                             | cuộn         | 1        |         |
| 215 | Khăn giấy lụa                                                                                                                 |                       | Pulppy     |              | Việt Nam   |               |                             | Hộp/ 180t    | 6        |         |
| 216 | Giấy cuộn Puppy                                                                                                               |                       | Pulppy     |              | Việt Nam   |               |                             | cuộn         | 50       |         |
| 217 | Khăn lau 25x25cm                                                                                                              |                       | Việt Nam   |              |            |               |                             | Cái          | 10       |         |
| 218 | Găng tay size M                                                                                                               | Không bột             | Top Glove  |              | Malaysia   |               |                             | Hộp/ 100c    | 20       |         |
| 219 | Khẩu trang nhiều lớp- hộp 50 cái-VN                                                                                           |                       | PA         |              | Malaysia   |               |                             | Hộp/ 50c     | 20       |         |
| 220 | Giấy Bạc( màng                                                                                                                | 30cm x 5              | Việt Nam   |              |            |               |                             | cuộn         | 10       |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                          | Ký mã hiệu    | Nhãn hiệu  | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính    | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------|---------------|------------|--------------|------------|---------------|-----------------------------|----------------|----------|---------|
|     | nhôm)                                      | mét           |            |              |            |               |                             |                |          |         |
| 221 | Màng bọc thực phẩm                         | 30cm x 30 mét | Việt Nam   |              |            |               |                             | cuộn           | 10       |         |
| 222 | Bao đựng rác                               |               | Việt Nam   |              |            |               |                             | kg             | 10       |         |
| 223 | Nước rửa chén                              |               | Sunlight   |              | Việt Nam   |               |                             | Chai/<br>750g  | 5        |         |
| 224 | Bộ giá đỡ loại lớn(Đế+ cọc)                |               |            |              | Việt Nam   |               |                             | Bộ             | 10       |         |
| 225 | Kẹp bình cầu 3 càng / ONELAB               |               | ONELAB     |              | Trung Quốc |               |                             | Cái            | 10       |         |
| 226 | Khóa đôi nhỏ / ONELAB                      |               | ONELAB     |              | Trung Quốc |               |                             | Cái            | 5        |         |
| 227 | Iron(III) chloride hexahydrate, FeCl3.6H2O |               | Trung Quốc |              |            |               |                             | Chai/<br>500g  | 5        |         |
| 228 | Co2O3                                      |               | TQ         |              |            |               |                             | 500g           | 2        |         |
| 229 | Muối sắt II: FeCl2.4H2O                    |               | Trung Quốc |              |            |               |                             | Chai/<br>500g  | 5        |         |
| 230 | Fe2O3                                      |               | TQ         |              |            |               |                             | 500g           | 5        |         |
| 231 | Sodium hydroxid, NaOH, chai 500g-TQ        |               | Trung Quốc |              |            |               |                             | Chai/<br>500g  | 5        |         |
| 232 | Ethanol-C2H5OH- Chai/500ml chemsol         |               | Chemsol    |              | Việt Nam   |               |                             | Chai/<br>500ml | 40       |         |
| 233 | Cồn Ethanol 96, Việt Nam                   |               | Việt Nam   |              |            |               |                             | Lít            | 40       |         |
| 234 | Paraffin-Chai 500ml                        |               | Trung Quốc |              |            |               |                             | Chai/<br>500ml | 5        |         |
| 235 | Giấy Bạc( màng nhôm)                       | 45cm x 5 mét  | Việt Nam   |              |            |               |                             | cuộn           | 10       |         |
| 236 | lam kính-TQ                                | 7102          | Greetmed   |              | Trung Quốc |               |                             | Hộp/<br>72c    | 6        |         |
| 237 | Khăn giấy lụa                              |               | Pulppy     |              | Việt Nam   |               |                             | Hộp/<br>180t   | 50       |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                         | Ký mã hiệu    | Nhãn hiệu  | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|---------------|------------|--------------|------------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|---------|
| 238 | Màng bọc thực phẩm                                                        | 30cm x 30 mét | Việt Nam   |              |            |               |                             | cuộn        | 10       |         |
| 239 | Găng tay size L                                                           | Không bột     | Top Glove  |              | Malaysia   |               |                             | Hộp/100c    | 50       |         |
| 240 | Đĩa petri nhựa PS - F60x14.2mm- vô trùng-code 29150/ Flmedical (Gói/ 20c) | 29150         | Flmedical  |              | Ý          |               |                             | Cái         | 120      |         |
| 241 | Khẩu trang nhiều lớp-hộp 50 cái-VN                                        |               | PA         |              | Malaysia   |               |                             | Hộp/50c     | 50       |         |
| 242 | Nhíp 20cm                                                                 |               |            |              |            |               |                             | Cái         | 4        |         |
| 243 | (CH <sub>3</sub> ) <sub>2</sub> CO Aceton-chai/500ml                      |               | Chemsol    |              | Việt Nam   |               |                             | Chai/500ml  | 50       |         |
| 244 | Ethanol-C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH-Chai/500ml chemsol               |               | Chemsol    |              | Việt Nam   |               |                             | Chai/500ml  | 30       |         |
| 245 | Kính bảo hộ                                                               |               | Trung Quốc |              |            |               |                             | Cái         | 60       |         |
| 246 | Bột Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub>                                        |               | TQ         |              |            |               |                             | 500g        | 5        |         |
| 247 | Ethanol-C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH                                  |               | Chemsol    |              | Việt Nam   |               |                             | Chai/500ml  | 25       |         |
| 248 | Găng tay size M không bột                                                 |               | Top Glove  |              | Malaysia   |               |                             | Hộp/100c    | 50       |         |
| 249 | Nhíp gấp linh kiện 200mm, đầu cong                                        |               | Trung Quốc |              |            |               |                             | Cái         | 40       |         |
| 250 | Lam kính tron                                                             |               | Greetmed   |              | Trung Quốc |               |                             | Hộp/72c     | 10       |         |
| 251 | Giấy cân 100x100mm                                                        |               | ONELAB     |              | Trung Quốc |               |                             | Hộp/500t    | 5        |         |
| 252 | Khăn giấy vuông 33x33cm                                                   |               | Pulppy     |              | Việt Nam   |               |                             | Gói/80t     | 30       |         |
| 253 | Khẩu trang                                                                |               |            |              | Việt Nam   |               |                             | hộp/50 cái  | 10       |         |
| 254 | Giấy nhôm                                                                 |               |            |              | Việt Nam   |               |                             | cuộn        | 10       |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                        | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|--------------|------------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|---------|
| 255 | nước rửa tay                                                             |            |           |              | Việt Nam   |               |                             | chai 500ml  | 6        |         |
| 256 | becher 500 ml                                                            |            | ONELAB    |              | Trung Quốc |               |                             |             | 5        |         |
| 257 | becher 100ml                                                             |            | ONELAB    |              | Trung Quốc |               |                             |             | 10       |         |
| 258 | becher 50ml                                                              |            | ONELAB    |              | Trung Quốc |               |                             |             | 10       |         |
| 259 | ống nhỏ giọt nhựa                                                        |            | ONELAB    |              | Trung Quốc |               |                             |             | 100      |         |
| 260 | ống nhỏ giọt thủy tinh (bao gồm đầu bóp nhựa)                            |            | ONELAB    |              | Trung Quốc |               |                             |             | 10       |         |
| 261 | ống đong thủy tinh 25ml                                                  |            | ONELAB    |              | Trung Quốc |               |                             |             | 7        |         |
| 262 | Phim Polyimide (PI) chịu nhiệt độ cao. (Kích thước 0,5m x 1,0m x 0,15mm) |            |           |              | Việt Nam   |               |                             | cuộn        | 1        |         |
| 263 | Mực Bạc Dẫn Điện (conductive silver Ink), thể tích 0,2~0,5 mL            |            |           |              | Việt Nam   |               |                             | ống         | 2        |         |
| 264 | nước rửa chén                                                            |            |           |              | Việt Nam   |               |                             | chai        | 5        |         |
| 265 | chai trung tính có nắp vặn 100 ml GL45                                   |            | Biohall   |              | Đức        |               |                             | chai 100ml  | 3        |         |
| 266 | Methylene Blue                                                           |            | Xilong    |              | Trung Quốc |               |                             | hũ 25g      | 2        |         |
| 267 | Methyl Orange                                                            |            | Xilong    |              | Trung Quốc |               |                             | hũ 25g      | 2        |         |
| 268 | Rhodamin B                                                               |            | Xilong    |              | Trung Quốc |               |                             | hũ 25g      | 2        |         |
| 269 | Kẹp Thử Điện PCB                                                         |            |           |              | Trung      |               |                             | cái         | 2        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                       | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|--------------|---------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
|     | (PCB Clip), chiều rộng: 1,2 mm, có 3-4 chân cắm điện (pin) trên 1 hàng. |            |           |              | Quốc    |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |          |         |
| 270 | <b>Máy Khuấy Từ Có Gia Nhiệt</b>                                        |            |           |              |         |               | <p>Cung cấp bao gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>'+ Máy chính</li> <li>'+ Dây nguồn</li> <li>'+ Hướng dẫn sử dụng"</li> </ul> <p>Hãng: Phoenix Instrument Germany (SX: Tại TQ)</p> <p>Bảo hành: 12 tháng</p> <p>Mô tả thiết bị :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đĩa đặt mẫu : bằng thép không rỉ với lớp phủ bằng gốm có tính kháng hóa chất tốt</li> <li>- Kích thước đĩa : Ø 135</li> <li>- Động cơ không chổi than hoạt động lâu bền</li> <li>- Công suất gia nhiệt : 500 W</li> <li>- Vị trí khuấy : 1</li> <li>- Thể tích khuấy : 20 lít (H<sub>2</sub>O)</li> <li>- Kích cỡ cá từ (max) : 80 mm</li> <li>- Tốc độ khuấy : 0 - 1500 rpm, độ phân giải ± 1 rpm</li> <li>- Phạm vi nhiệt độ môi trường xung quanh lên</li> </ul> | Cái         | 1        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                              | Ký mã hiệu                           | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất                         | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------|--------------|------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|---------|
|     |                                                                                                |                                      |           |              |            |                                       | đến 340 °C<br>- Nhiệt độ an toàn cố định là 350°C<br>- Hiện thị nhiệt độ chính xác : ± 0.5 ° C<br>- Điều khiển tốc độ khuấy và nhiệt độ : núm vặn chia vạch<br>- Môi trường : 5 - 40°C , 80% RH<br>- Kích thước (W x D x H) : 160 x 280 x 85 mm<br>- Trọng lượng : 2.8 kg<br>- Nguồn điện : 220V, 50/60Hz, 530W |              |          |         |
| 271 | Đồng hồ vạn năng                                                                               | FLUKE 106                            | Fluke     |              |            |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cái          | 1        |         |
| 272 | Ethanol-C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH                                                       | Ethanol-99.5-1L                      | Chemsol   | 2025         | Việt Nam   | VINA-CHEM                             | Phần trăm độ tinh khiết: 99.5%<br>Dạng vật lý: lỏng                                                                                                                                                                                                                                                             | Chai/1lít    | 3        |         |
| 273 | di-Potassium hydrogen phosphate trihydrate, K <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub> .3H <sub>2</sub> O | K <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub> -500 | Xilong    | 2025         | Trung Quốc | Xilong                                | Hàm lượng Iron(Fe): ≤0,001%<br>Hàm lượng Kim loại nặng (as Pb): ≤0,001%                                                                                                                                                                                                                                         | Chai/500 gam | 1        |         |
| 274 | Potassium dihydrogen phosphate, KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub>                                | 1.01863.020                          | GHTECH    | 2025         | Trung Quốc | Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd. | Nồng độ phần trăm: ≥99,5%<br>pH (50g/L solution, 25°C): 4,2-4,5<br>Chất không tan trong nước: ≤0,002%<br>Hóa hơi khi sấy: ≤0,2%<br>Hàm lượng Chloride(Cl): ≤0,001%                                                                                                                                              | Chai/500 gam | 1        |         |



| STT | Danh mục hàng hóa                               | Ký mã hiệu       | Nhãn hiệu          | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất                           | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                           | Đơn vị tính   | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------|------------------|--------------------|--------------|------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------|----------|---------|
| 275 | Sodium Acetate anhydrous, CH <sub>3</sub> COONa | 127-09-3-500     | Xilong             | 2025         | Trung Quốc | Xilong Scientific Co., Ltd              | Dạng vật chất: Bột không màu và không mùi<br>Khối lượng: 82.03        | Chai/ 500 gam | 1        |         |
| 276 | Thìa mức hoá chất Micro spoon 210 mm ISOLAB     | 047.06.210       | Isolab             |              |            | Isolab                                  |                                                                       | Cái           | 6        |         |
| 277 | Petri thủy tinh 150/25mm                        | 632.602.00 5.150 | DINLAB LABORGERÄTE |              |            | DINLAB LABORGERÄTE                      |                                                                       | Cái           | 18       |         |
| 278 | Bình định mức trắng USP nắp nhựa 5 ML-NS 10/19  | BLS.U.120 1      | Biohall Germany    |              |            | Ấn Độ                                   |                                                                       | Cái           | 4        |         |
| 279 | Bình định mức thủy tinh, màu trắng 10ml         | 1621A-0010       | ONELAB             | 2025         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                          | Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa<br>Dung tích: 10 ml<br>Class A | Cái           | 5        |         |
| 280 | Bình định mức thủy tinh, màu trắng 25ml         |                  | ONELAB             | 2025         | Trung Quốc |                                         |                                                                       | Cái           | 5        |         |
| 281 | Bình định mức thủy tinh, màu trắng 50ml         | 1621A-0050       | ONELAB             | 2025         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                          | Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa<br>Dung tích: 50 ml<br>Class A | Cái           | 5        |         |
| 282 | Giấy PH 1-14                                    | PHT1-14          | Newstar            | 2025         | Trung Quốc | Hangzhou Special Paper Industry Co.,Ltd | Dãy số màu: 1-14<br>Tập: 80 test                                      | Tập/ 80 test  | 20       |         |
| 283 | Ống ly tâm 15ml                                 | 10-9152          | Biologix           | 2025         | Trung      |                                         |                                                                       | Gói/ 25       | 4        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                                                    | Ký mã hiệu          | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất                | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                                  | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|--------------|------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|---------|
|     |                                                                                                                      |                     |           |              | Quốc       |                              |                                                                                                              | cái          |          |         |
| 284 | Ống Microtube (Eppendorf) PP 2ml nắp phẳng, nhãn mờ-chia vạch-code 23073/Flmedical.Gói 500 cái                       | 23073               | Flmedical | 2025         | Ý          | Flmedical                    |                                                                                                              | Gói/500 cái  | 2        |         |
| 285 | Ống nhỏ giọt nhựa Pasteur 3ml                                                                                        | US-C43810040 PH     | ONELAB    | 2025         | Trung Quốc | Zhejiang Huili               | Dung tích: 3 ml<br>Chiều dài: 155 mm                                                                         | Hộp/500 cái  | 2        |         |
| 286 | Đầu tip trắng 0-10ul                                                                                                 | 20-0010             | Biologix  | 2025         | Trung Quốc | Biologix                     | Vật liệu: Nhựa PP chất lượng cao<br>Dung tích: 10ul                                                          | Gói/1000 cái | 1        |         |
| 287 | Chai thủy tinh Vial trắng 10ml, 22x52mm+ Nắp vặn kín 18-400 (màu trắng, PP), Septa 1.5mm Natural PTFE/White Silicone | C0000053+ C0000221  | ALWSCI    | 2025         | Trung Quốc | ALWSCI Technologies Co., Ltd | Vật liệu: Thủy tinh<br>Dung tích: 10ml<br>Đường kính: 22x52mm<br>Vật liệu: Nhựa PP<br>Kích thước: 18mm       | Hộp/100 cái  | 1        |         |
| 288 | Găng tay size M                                                                                                      | Latex-có bột Size M | Top Glove | 2025         | Malaysia   | Khải Hoàn                    |                                                                                                              | Hộp/100 cái  | 5        |         |
| 289 | Khăn ăn 33x33cm                                                                                                      | Vuông-33cm          | Pulppy    | 2025         | Việt Nam   | Pulppys                      | Vật liệu: Bột giấy nguyên chất<br>Đặc tính Giấy mềm hơn, dai hơn, thấm hút tốt hơn<br>Khô giấy 33 cm x 33 cm | Gói/ 80 tờ   | 5        |         |
| 290 | Giấy vệ sinh                                                                                                         | Giấy lụa-2 lớp      | Pulppy    | 2025         | Việt Nam   | Pulppys                      | 100% bột giấy nguyên chất<br>Dạng cuộn, giấy vệ sinh 2 lớp                                                   | Lốc/ 10 cuộn | 2        |         |
| 291 | Nước rửa chén                                                                                                        | Sunlight750         | Sunlight  | 2025         | Việt Nam   | Unileve                      | Nước rửa chén: hương                                                                                         | Chai/75      | 2        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                   | Ký mã hiệu        | Nhãn hiệu    | Năm sản xuất | Xuất xứ  | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                                                       | Đơn vị tính    | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|-------------------|--------------|--------------|----------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|---------|
|     |                                     |                   |              |              |          | r             | chanh<br>Dung tích: 750 gam<br>An toàn cho người sử dụng                                                                          | 0 gam          |          |         |
| 292 | Túi rác 55x65cm                     | Bao rác Trung-1Kg | Co.op Select | 2025         | Việt Nam | Saigon Coop   | Size sản phẩm: trung, 550 x 650 mm<br>Sản phẩm có màu đen, thân thiện với môi trường<br>Sản phẩm gồm 3 cuộn, tổng trọng lượng 1kg | Kg             | 1        |         |
| 293 | Thùng Chữ Nhật 30 (57 x 38 x 21 cm) | No.H117           | Duy Tân      |              | VN       |               |                                                                                                                                   | Cái            | 2        |         |
| 294 | V2O5                                |                   |              |              | Đức/TQ   |               |                                                                                                                                   | 500 gram/c hai | 2        |         |
| 295 | NH4VO3                              |                   |              |              | Đức/TQ   |               |                                                                                                                                   | 250gram/chai   | 2        |         |
| 296 | Oxalic acid (C2H2O4.2H2O)           |                   |              |              | Đức/TQ   |               |                                                                                                                                   | 250gram/chai   | 2        |         |
| 297 | N2H4.OH                             |                   |              |              | Đức/TQ   |               |                                                                                                                                   | 0.5L/chai      | 4        |         |
| 298 | Ethanol                             |                   |              |              | Đức/TQ   |               |                                                                                                                                   | 0.5L/chai      | 6        |         |
| 299 | Axit HCl                            |                   |              |              | Đức/TQ   |               |                                                                                                                                   | 0.5L/chai      | 2        |         |
| 300 | Hydrogen peroxide (H2O2)            |                   |              |              | Đức/TQ   |               |                                                                                                                                   | 0.5L/chai      | 2        |         |
| 301 | Bi(NO3)3. 5H2O                      |                   |              |              | Đức/TQ   |               |                                                                                                                                   | 500g/hai       | 2        |         |
| 302 | HNO3                                |                   |              |              | Đức/TQ   |               |                                                                                                                                   | 0.5L/chai      | 2        |         |
| 303 | Axit ascorbic                       |                   |              |              | Đức/TQ   |               |                                                                                                                                   | 250gra         | 2        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                            | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính      | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------|------------|-----------|--------------|------------|---------------|-----------------------------|------------------|----------|---------|
|     | (C <sub>6</sub> H <sub>8</sub> O <sub>6</sub> )              |            |           |              |            |               |                             | m/chai           |          |         |
| 304 | Cá từ                                                        |            |           |              | TQ         |               |                             | Cái              | 10       |         |
| 305 | Đĩa petri                                                    |            |           |              | TQ/VN      |               |                             | Cái              | 5        |         |
| 306 | Becher 100ml                                                 |            |           |              |            | Biohall       |                             | Cái              | 10       |         |
| 307 | Pipet 50                                                     |            |           |              | TQ/VN      |               |                             | Cái              | 5        |         |
| 308 | Giấy lọc                                                     |            |           |              | TQ/VN      |               |                             | 100t/hộp<br>p    | 2        |         |
| 309 | Giấy cân                                                     |            |           |              | TQ/VN      |               |                             | 100t/hộp<br>p    | 5        |         |
| 310 | Khẩu trang                                                   |            |           |              | TQ/VN      |               |                             | Hộp              | 4        |         |
| 311 | Găng tay                                                     |            |           |              | TQ/VN      |               |                             | Hộp              | 4        |         |
| 312 | Giấy nhôm bọc                                                |            |           |              | TQ/VN      |               |                             | Cuộn             | 4        |         |
| 313 | Ống nhỏ giọt+quả bóp silicol 3ml                             |            |           |              | TQ/VN      |               |                             | Cái              | 2        |         |
| 314 | Màng bọc thực phẩm                                           |            |           |              | TQ/VN      |               |                             | Cuộn             | 2        |         |
| 315 | Muỗng inox mức hóa chất                                      |            |           |              | TQ/VN      |               |                             | Cái              | 4        |         |
| 316 | Ống ly tâm nhựa 15 ml, nắp vặn                               |            |           |              | TQ/VN      |               |                             | 100 ống/túi      | 100      |         |
| 317 | Khăn giấy Pupply                                             |            |           |              | TQ/VN      |               |                             | Hộp              | 5        |         |
| 318 | Găng tay                                                     |            |           |              | TQ/VN      |               |                             | Hộp              | 5        |         |
| 319 | Graphene Oxide (phân tán trong nước) 4 mg/mL hay 0,4 wt%     |            |           |              | Graphena   |               |                             | Chai (>= 250 mL) | 2        |         |
| 320 | Nano silica (nguyên liệu làm mỹ phẩm)                        |            |           |              | VN         |               |                             | Lọ (>10 g)       | 1        |         |
| 321 | Acetone                                                      |            |           |              | VN/TQ      |               |                             | Chai (1 L)       | 2        |         |
| 322 | Khẩu trang                                                   |            |           |              | VN/TQ      |               |                             | Hộp              | 3        |         |
| 323 | Poly(diallyldimethylammonium chloride) solution (PolyDADMAC, |            |           |              | Sigma / TQ |               |                             | Chai (>= 50mL)   | 1        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                    | Ký mã hiệu                          | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính   | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------|--------------|------------|---------------|-----------------------------|---------------|----------|---------|
|     | PDDAC, PDDA)                                                                         |                                     |           |              |            |               |                             |               |          |         |
| 324 | Silver nitrate (AgNO <sub>3</sub> )                                                  |                                     |           |              | Trung Quốc | Xilong        |                             | Chai 100 g    | 2        |         |
| 325 | Copper acetate mono hydrate (Cu(CH <sub>3</sub> COO) <sub>2</sub> .H <sub>2</sub> O) |                                     |           |              | Trung Quốc | Xilong        |                             | chai 500 g    | 2        |         |
| 326 | Ethylene glycol (C <sub>2</sub> H <sub>6</sub> O <sub>2</sub> )                      |                                     |           |              | Trung Quốc | Xilong        |                             | chai 500 ml   | 5        |         |
| 327 | Polyvinylpyrrolidone K30 (PVP)                                                       |                                     |           |              | Trung Quốc | Xilong        |                             | chai 500 g    | 5        |         |
| 328 | Tween 80 (Polysorbate 80)                                                            |                                     |           |              | Trung Quốc | Xilong        |                             | chai 500 ml   | 5        |         |
| 329 | Ly nhựa có nắp đậy, dung tích 100 mL                                                 |                                     |           |              | China      |               |                             | thùng 100 ly  | 1        |         |
| 330 | HNO <sub>3</sub> 65% (Trung Quốc)                                                    |                                     |           |              | Trung Quốc |               |                             | Chai/50 mL    | 3        |         |
| 331 | Ethanol, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH                                            | C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH-96 |           |              | Chemsol    |               |                             | Chai/50 mL    | 14       |         |
| 332 | Acetone công nghiệp                                                                  |                                     |           |              | Trung Quốc |               |                             | Lít           | 20       |         |
| 333 | VO <sub>2</sub>                                                                      |                                     |           |              | Trung Quốc |               |                             | Chai/500 gram | 1        |         |
| 334 | Bột RGO                                                                              |                                     |           |              | Trung Quốc |               |                             | Chai/500 gram | 1        |         |
| 335 | Nước rửa chén                                                                        | Rửa chén - 3.6KG                    |           |              |            | Sunlight      |                             | Chai/3.6kg    | 3        |         |
| 336 | Nước cất 1 lần                                                                       |                                     |           |              |            |               |                             | Lít           | 20       |         |
| 337 | Giấy dán nhãn TOMMY No.123 (10x29mm)                                                 |                                     |           |              |            |               |                             | Xấp           | 2        |         |
| 338 | Găng tay nilon                                                                       |                                     |           |              |            |               |                             | Hộp           | 15       |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                              | Ký mã hiệu          | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất                     | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|--------------|---------|-----------------------------------|-----------------------------|--------------|----------|---------|
| 339 | Găng tay cao su                                                                |                     |           |              |         |                                   |                             | Hộp          | 22       |         |
| 340 | Túi zip chứa mẫu (kích thước 14 x 20 cm)                                       |                     |           |              |         |                                   |                             | kg           | 3        |         |
| 341 | Bút kẻ mẫu Thiên Long PM-04                                                    |                     |           |              |         |                                   |                             | Cây          | 30       |         |
| 342 | Ống nhỏ giọt nhựa 3ml                                                          |                     |           |              |         |                                   |                             | Hộp/500 cái  | 2        |         |
| 343 | Khẩu trang nhiều lớp                                                           |                     |           |              |         | PA                                |                             | Hộp/ 50 cái  | 30       |         |
| 344 | Giấy vệ sinh 2 lớp                                                             | Giấy lụa-2 lớp      |           |              |         | Pulppy                            |                             | Gói/ 10 cuộn | 15       |         |
| 345 | Túi rác 55x65cm                                                                | Bao rác Trung-1Kg   |           |              |         | Co.op Select                      |                             | Kg           | 2        |         |
| 346 | Petri thủy tinh 90/15mm                                                        | 632.602.00<br>3.080 |           |              |         | DINLA<br>B<br>LABO<br>RGER<br>ÄTE |                             | Cái          | 12       |         |
| 347 | Cốc thủy tinh 100ml                                                            | 1101-0100           |           |              |         | ONEL<br>AB                        |                             | Cái          | 10       |         |
| 348 | Cốc thủy tinh 250ml                                                            | 1101-250            |           |              |         | ONEL<br>AB                        |                             | Cái          | 16       |         |
| 349 | Cốc thủy tinh 500ml                                                            | 1101-250            |           |              |         | ONEL<br>AB                        |                             | Cái          | 6        |         |
| 350 | Pipet thẳng 10ml                                                               | 10-1630             |           |              |         | ONEL<br>AB                        |                             | Cái          | 6        |         |
| 351 | Cân điện tử 3 số                                                               |                     |           |              |         |                                   |                             | Cái          | 3        |         |
| 352 | Máy mài, máy đánh bóng<br>Metallographic Sample Grinding and Polishing Machine |                     |           |              |         |                                   |                             | Cái          | 1        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                | Ký mã hiệu     | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất          | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|--------------|---------|------------------------|-----------------------------|-------------|----------|---------|
|     | (MP-2)                                                           |                |           |              |         |                        |                             |             |          |         |
| 353 | Thép SS400 (Phi 34-38 mm; dày 2 mm)                              |                |           |              |         |                        |                             | tám         | 40       |         |
| 354 | Tấm nhựa PET (dài 2m2)                                           |                |           |              |         |                        |                             | tám         | 20       |         |
| 355 | Lam thủy tinh                                                    |                |           |              |         |                        |                             | Hộp         | 10       |         |
| 356 | Giấy nhám T.O.A (P400, P800, P1000, P1500, P2000)                |                |           |              |         |                        |                             | Hộp         | 10       |         |
| 357 | Kem đánh bóng Cana (kim loại, nhựa, gốm sứ, gỗ,...)              |                |           |              |         |                        |                             | Hộp         | 7        |         |
| 358 | Mút xốp (đánh bóng)                                              |                |           |              |         |                        |                             | Cái         | 15       |         |
| 359 | Dao rọc giấy                                                     |                |           |              |         |                        |                             |             |          |         |
| 360 | Dao cắt lam thủy tinh                                            |                |           |              |         |                        |                             |             |          |         |
| 361 | Bình hút âm trắng không vòi ONE LAB 250 mm                       |                |           |              |         |                        |                             | Cái         | 3        |         |
| 362 | Bình định mức trắng USP nắp nhựa 500 ML-NS 19/26- Class A        | BLS.U.120<br>9 |           |              |         | Biohall<br>German<br>y |                             | Cái         | 6        |         |
| 363 | Bếp gia nhiệt (bếp đun bình 500 ml)                              |                |           |              |         |                        |                             | Cái         | 6        |         |
| 364 | kẹp gấp mẫu                                                      |                |           |              |         |                        |                             | Cái         | 20       |         |
| 365 | Chân đế kèm kẹp                                                  |                |           |              |         |                        |                             | Cái         | 6        |         |
| 366 | Đồ gia dụng (kềm, bút thử điện, keo dán, băng dán, tua vít, ...) |                |           |              |         |                        |                             | Cái         | 2        |         |
| 367 | Nguồn điện (DC)                                                  |                |           |              |         |                        |                             | Cái         | 2        |         |
| 368 | Đồng hồ vạn năng                                                 |                |           |              |         |                        |                             | Cái         | 4        |         |
| 369 | Bản mạch                                                         |                |           |              |         |                        |                             | Cái         | 3        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                                   | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|--------------|---------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|---------|
| 370 | Biến trở                                                                                            |            |           |              |         |               |                             | Cái         | 10       |         |
| 371 | Hệ cấp và ổn nhiệt                                                                                  |            |           |              |         |               |                             | Cái         | 2        |         |
| 372 | Đèn UV-365nm                                                                                        |            |           |              |         |               |                             | Cái         | 2        |         |
| 373 | Keo bạc                                                                                             |            |           |              |         |               |                             | Cái         | 4        |         |
| 374 | Dây dẫn                                                                                             |            |           |              |         |               |                             | cuộn        | 2        |         |
| 375 | Đầu tiếp xúc (zắt cắm)                                                                              |            |           |              |         |               |                             | cái         | 10       |         |
| 376 | Kẹp cá sấu                                                                                          |            |           |              |         |               |                             | cái         | 20       |         |
| 377 | Bộ điện trở                                                                                         |            |           |              |         |               |                             | bịch        | 1        |         |
| 378 | Màng ITO                                                                                            |            |           |              |         |               | ITO 1 inch, 10ohm/sq        | cái         | 6        |         |
| 379 | Tấm silic                                                                                           |            |           |              |         |               |                             | cái         | 6        |         |
| 380 | Cối dập viên hình tròn (đường kính 13mm) và viên hình chữ nhật (rộng 3mm dài 12mm) + hệ ép thủy lực |            |           |              |         |               |                             | cái         | 2        |         |
| 381 | khối kim loại đồng, sắt, nhôm 2 cm x 2 cm (1 hộp 4 cái)                                             |            |           |              |         |               |                             | Hộp         | 7        |         |
| 382 | khối lập phương nhựa đặc 3 cm x 3 cm                                                                |            |           |              |         |               |                             | Hộp         | 10       |         |
| 383 | Dây cước                                                                                            |            |           |              |         |               |                             | cuộn        | 3        |         |
| 384 | Khuôn silicon 200 x 130 x 4 mm                                                                      |            |           |              |         |               |                             | Cái         | 10       |         |
| 385 | Khuôn thép tạo mẫu đo va đập theo chuẩn ISO-179 kích thước 130 x 130 x 4 mm                         |            |           |              |         |               |                             | Cái         | 2        |         |



| STT | Danh mục hàng hóa                                                                                           | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                                                                           |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|--------------|---------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| 386 | Thước kẹp đo mẫu cơ khí có du xích (Mitutoyo, độ chính xác 0,02 mm )                                        |            |           |              |         |               |                             | Cái         | 9        |                                                                                   |
| 387 | Cốc nhựa trong PP loại 360 ml                                                                               |            |           |              |         |               |                             | Lốc/50 cái  | 2        |                                                                                   |
| 388 | Que đèn lưới gỗ                                                                                             |            |           |              |         |               |                             | Hộp         | 1        |                                                                                   |
| 389 | Ống nhỏ giọt thủy tinh (bao gồm quả bóp nhỏ đỏ)                                                             |            |           |              |         | ONEL AB       |                             | Cái         | 30       |                                                                                   |
| 390 | Mẫu hợp kim gang xám (kích thước 10 x 10 x 55 mm) đo mẫu va đập theo chuẩn ISO-148                          |            |           |              |         |               |                             | Thanh       | 240      |                                                                                   |
| 391 | Nhựa epoxy (keo epoxy, keo AB) (DẠNG LỎNG) kèm chất đóng rắn (triethyltetraamin - TETA)                     |            |           |              |         |               |                             | kg          | 30       |                                                                                   |
| 392 | Sợi thủy tinh MAT200                                                                                        |            |           |              |         |               |                             | kg          | 3        |                                                                                   |
| 393 | Nhựa polypropylene mã 1102k                                                                                 |            |           |              |         |               |                             | kg          | 10       |                                                                                   |
| 394 | Giá quang học (optical rail), Chiều dài: 1000 mm                                                            |            |           |              |         |               |                             | cái         | 2        | <a href="https://www.newport.com/p/PRL-36">https://www.newport.com/p/PRL-36</a>   |
| 395 | Giá trượt (Trượt trên giá quang học, có chốt cố định vị trí, có thể đặt và điều chỉnh chiều cao giá đỡ thấu |            |           |              |         |               |                             | cái         | 5        | <a href="https://www.newport.com/p/M-PRC-1">https://www.newport.com/p/M-PRC-1</a> |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                            | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                                                                                                                                                                                                       |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|--------------|---------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | kính)                                                                                        |            |           |              |         |               |                             |             |          |                                                                                                                                                                                                               |
| 396 | Giá đỡ thiết bị quang học (Chiều cao: 101.6mm, có thể điều chỉnh chiều cao trên chân giá đỡ) |            |           |              |         |               |                             | cái         | 5        | <a href="https://www.newport.com/p/M-SP-4">https://www.newport.com/p/M-SP-4</a>                                                                                                                               |
| 397 | Ốc vặn                                                                                       |            |           |              |         |               |                             | hộp         | 1        | <a href="https://www.newport.com/p/M-SK-M6A">https://www.newport.com/p/M-SK-M6A</a>                                                                                                                           |
| 398 | Chân giá đỡ (Chiều cao: 101.6mm, gắn vào giá trượt)                                          |            |           |              |         |               |                             | cái         | 5        | <a href="https://www.newport.com/p/M-VPT-4">https://www.newport.com/p/M-VPT-4</a>                                                                                                                             |
| 399 | Màn có khe hẹp (Kích thước 3x3 cm, có 1 khe kích thước 1x10mm tại tâm)                       |            |           |              |         |               |                             | cái         | 1        | <a href="https://www.newport.com/p/M-SV-0.5">https://www.newport.com/p/M-SV-0.5</a>                                                                                                                           |
| 400 | Giá đỡ thấu kính                                                                             |            |           |              |         |               |                             | cái         | 4        | <a href="https://www.newport.com/p/LH-2R1">https://www.newport.com/p/LH-2R1</a>                                                                                                                               |
| 401 | Thấu kính (Đường kính: 25,4cm, Tiêu cự: 10cm)                                                |            |           |              |         |               |                             | cái         | 4        | <a href="https://www.newport.com/p/PAC052">https://www.newport.com/p/PAC052</a>                                                                                                                               |
| 402 | Lux kế (Đường kính ô nhận sáng: 3cm, Độ chính xác: $\pm 1$ lux)                              |            |           |              |         |               |                             | cái         | 1        | <a href="https://maydochuyendung.com/may-do-cuong-do-anh-sang/chi-tiet/may-do-cuong-do-anh-sang-lx-1330b">https://maydochuyendung.com/may-do-cuong-do-anh-sang/chi-tiet/may-do-cuong-do-anh-sang-lx-1330b</a> |
| 403 | Giá giữ mẫu (Kích thước mẫu: 4x4cm, chiều cao: 10 cm)                                        |            |           |              |         |               |                             | cái         | 1        | <a href="https://www.newport.com/p/M-PPF50">https://www.newport.com/p/M-PPF50</a>                                                                                                                             |
| 404 | Máy đo góc quang học (Optical Goniometer)                                                    |            |           |              |         |               |                             | cái         | 1        | <a href="https://www.newport.com/p/M-481-A">https://www.newport.com/p/M-481-A</a>                                                                                                                             |

| STT | Danh mục hàng hóa                                             | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|---------------------------------------------------------------|------------|-----------|--------------|---------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 405 | Gương phản xạ chuẩn (Độ phản xạ > 99%, có thông số chính xác) |            |           |              |         |               |                             | cái         | 1        | <a href="https://www.newport.com/p/05SD520BD.1">https://www.newport.com/p/05SD520BD.1</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 406 | Đèn dây tóc (Công suất: 10W)                                  |            |           |              |         |               |                             | bộ          | 1        | <a href="https://www.taorlab.com/product/hl2000-halogen-light-source">https://www.taorlab.com/product/hl2000-halogen-light-source</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 407 | LED trắng (Công suất: 1W)                                     |            |           |              |         |               |                             | cái         | 2        | <a href="https://www.thegioic.com/led-trang-lanh-1w-luxeon">https://www.thegioic.com/led-trang-lanh-1w-luxeon</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 408 | LED đỏ (Công suất: 1W)                                        |            |           |              |         |               |                             | cái         | 2        | <a href="https://www.thegioic.com/led-do-1w-luxeon">https://www.thegioic.com/led-do-1w-luxeon</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 409 | LED xanh lá (Công suất: 1W)                                   |            |           |              |         |               |                             | cái         | 2        | <a href="https://www.thegioic.com/led-xanh-la-1w-luxeon">https://www.thegioic.com/led-xanh-la-1w-luxeon</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 410 | LED xanh dương (Công suất: 1W)                                |            |           |              |         |               |                             | cái         | 2        | <a href="https://www.thegioic.com/led-xanh-duong-1w-luxeon">https://www.thegioic.com/led-xanh-duong-1w-luxeon</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 411 | Mica màu đỏ                                                   |            |           |              |         |               |                             | cái         | 2        | <a href="https://shopee.vn/product/801469114/40523008658?gads_t_sig=gqRjZGVrxHCFomtpsTE0MjUxOnRzc19zZGtfa2V5omt20QABpGFsZ2_SAAAAZKNkZWvAomN0xEAAAAAM_NxfHGgeczprZR4Q8tPoOfvwhbtN63JIB369xGJA1mbqBWuW2sVWxQjSJT_xT_mbG0_W5kumedB_GGTjqmNpcGhlcnRleHTEbgA AAAy2CKQW3xaIHRSAwc9uwxq9XOb2AM-Ndmv992sBm1vB348QU4CdqX665sFwTYbTjx7Hp2OLx9aX89h7M8d7maSTvrnrz6ZokdJZY61Fa5-DbA9YJY8MB_Bvpix_U">https://shopee.vn/product/801469114/40523008658?gads_t_sig=gqRjZGVrxHCFomtpsTE0MjUxOnRzc19zZGtfa2V5omt20QABpGFsZ2_SAAAAZKNkZWvAomN0xEAAAAAM_NxfHGgeczprZR4Q8tPoOfvwhbtN63JIB369xGJA1mbqBWuW2sVWxQjSJT_xT_mbG0_W5kumedB_GGTjqmNpcGhlcnRleHTEbgA AAAy2CKQW3xaIHRSAwc9uwxq9XOb2AM-Ndmv992sBm1vB348QU4CdqX665sFwTYbTjx7Hp2OLx9aX89h7M8d7maSTvrnrz6ZokdJZY61Fa5-DbA9YJY8MB_Bvpix_U</a> |

| STT | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------------|------------|-----------|--------------|---------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                   |            |           |              |         |               |                             |             |          | <a href="https://shopee.vn/product/801469114/40523008658?gads_t_sig=gqRjZGVrxHCFomtpsTE0MjUxOnRzc19zZGtfa2V5omt20QABpGFsZ2_SAAAAZKNkZWvAomN0xEAAAAAM_NxfHGgeczprZR4Q8tPoOfvwhbtN63JIB369xGJA1mbqBWuW2sVWxQjSJT_xTmbG0_W5kumedB_GGTjqmNpcGhlcnRleHTEbgA AAAY2CKQW3xaIHRSAwc9uwxq9XOb2AM-Ndmv992sBm1vB348QU4CdqX665sFwTYbTjx7Hp2OLx9aX89h7M8d7maSTvrnrz6ZokdJZY61Fa5-DbA9YJY8MB_Bvpix_UQ8NfMtj88bvih1hzbzf&amp;gad_source=1&amp;gad_campaignid=22496085537&amp;gbruid=0AAAAADPpQE4ep9mpyLHqQV2Uppv9UgbdB&amp;gclid=CjwKCAjwpK3SBhASEiwAtV1SPKHBmqbYgUAiANnPoDUL_qhJ JM7ovc90vUb_45Y9wp8zOpTMr9yeBoCpzEQAvD_BwE">Q8NfMtj88bvih1hzbzf&amp;gad_source=1&amp;gad_campaignid=22496085537&amp;gbruid=0AAAAADPpQE4ep9mpyLHqQV2Uppv9UgbdB&amp;gclid=CjwKCAjwpK3SBhASEiwAtV1SPKHBmqbYgUAiANnPoDUL_qhJ JM7ovc90vUb_45Y9wp8zOpTMr9yeBoCpzEQAvD_BwE</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 412 | Mica màu xanh lá  |            |           |              |         |               |                             | cái         | 2        | <a href="https://shopee.vn/product/801469114/40523008658?gads_t_sig=gqRjZGVrxHCFomtpsTE0MjUxOnRzc19zZGtfa2V5omt20QABpGFsZ2_SAAAAZKNkZWvAomN0xEAAAAAM_NxfHGgeczprZR4Q8tPoOfvwhbtN63JIB369xGJA1mbqBWuW2sVWxQjSJT_xTmbG0_W5kumedB_GGTjqmNpcGhlcnRleHTEbgA AAAY2CKQW3xaIHRSAwc9uwxq9XOb2AM-Ndmv992sBm1vB348QU4CdqX665sFwTYbTjx7Hp2OLx9aX89h7M8d7maSTvrnrz6ZokdJZY61Fa5-DbA9YJY8MB_Bvpix_UQ8NfMtj88bvih1hzbzf&amp;gad_source=1&amp;gad_campaignid=22496085537&amp;gbruid=0AAAAADPpQE4ep9mpyLHqQV2Uppv9UgbdB&amp;gclid=CjwKCAjwpK3SBhASEiwAtV1SPKHBmqbYgUAiANnPoDUL_qhJ JM7ovc90vUb_45Y9wp8zOpTMr9yeBoCpzEQAvD_BwE">https://shopee.vn/product/801469114/40523008658?gads_t_sig=gqRjZGVrxHCFomtpsTE0MjUxOnRzc19zZGtfa2V5omt20QABpGFsZ2_SAAAAZKNkZWvAomN0xEAAAAAM_NxfHGgeczprZR4Q8tPoOfvwhbtN63JIB369xGJA1mbqBWuW2sVWxQjSJT_xTmbG0_W5kumedB_GGTjqmNpcGhlcnRleHTEbgA AAAY2CKQW3xaIHRSAwc9uwxq9XOb2AM-Ndmv992sBm1vB348QU4CdqX665sFwTYbTjx7Hp2OLx9aX89h7M8d7maSTvrnrz6ZokdJZY61Fa5-DbA9YJY8MB_Bvpix_UQ8NfMtj88bvih1hzbzf&amp;gad_source=1&amp;gad_campaignid=22496085537&amp;gbruid=0AAAAADPpQE4ep9mpyLHqQV2Uppv9UgbdB&amp;gclid=CjwKCAjwpK3SBhASEiwAtV1SPKHBmqbYgUAiANnPoDUL_qhJ JM7ovc90vUb_45Y9wp8zOpTMr9yeBoCpzEQAvD_BwE</a> |

| STT | Danh mục hàng hóa   | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|---------------------|------------|-----------|--------------|---------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                     |            |           |              |         |               |                             |             |          | <a href="#">B&amp;gclid=CjwKCAjwpK3SBhASEiwAtV1SPKHBm</a><br>=<br><a href="#">qbYgUAiANnPoDUL_qhJ JM7ovc90vUb_45Y9wp8z OpTMr9yeBoCpzEQAvD_BwE</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 413 | Mica màu xanh dương |            |           |              |         |               |                             | cái         | 2        | <a href="https://shopee.vn/product/801469114/40523008658?gads_t_sig=gqRjZGVrxHCFomtpsTE0MjUxOnRzc19zZGtfa2V5omt20QABpGFsZ2_SAAAAZKNkZWvAomN0xEAAAAAM_NxfHGgeczprZR4Q8tPoOfvwhbtN63JlB369xGJA1mbqBWuW2sVWxQjSJT_xT_mbG0_W5kumedB_GGTjqmNpcGhlcnRleHTEbgA AAAy2CKQW3xaIHRSAwc9uwxq9XOb2AM-Ndmv992sBm1vB348QU4CdqX665sFwTYbTjx7Hp2OLx9aX89h7M8d7maSTvrnrz6ZokdJZY61Fa5-DbA9YJY8MB_Bvpix_UQ8NfMtj88bvih1hzbzf&amp;gad_source=1&amp;gad_campaignid=22496085537&amp;gbraid=0AAAAADPpQE4ep9mpyLHqQV2Uppv9UgbdB&amp;gclid=CjwKCAjwpK3SBhASEiwAtV1SPKHBm">https://shopee.vn/product/801469114/40523008658?gads_t_sig=gqRjZGVrxHCFomtpsTE0MjUxOnRzc19zZGtfa2V5omt20QABpGFsZ2_SAAAAZKNkZWvAomN0xEAAAAAM_NxfHGgeczprZR4Q8tPoOfvwhbtN63JlB369xGJA1mbqBWuW2sVWxQjSJT_xT_mbG0_W5kumedB_GGTjqmNpcGhlcnRleHTEbgA AAAy2CKQW3xaIHRSAwc9uwxq9XOb2AM-Ndmv992sBm1vB348QU4CdqX665sFwTYbTjx7Hp2OLx9aX89h7M8d7maSTvrnrz6ZokdJZY61Fa5-DbA9YJY8MB_Bvpix_UQ8NfMtj88bvih1hzbzf&amp;gad_source=1&amp;gad_campaignid=22496085537&amp;gbraid=0AAAAADPpQE4ep9mpyLHqQV2Uppv9UgbdB&amp;gclid=CjwKCAjwpK3SBhASEiwAtV1SPKHBm</a><br>=<br><a href="#">qbYgUAiANnPoDUL_qhJ JM7ovc90vUb_45Y9wp8z</a> |

| STT | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-------------------|------------|-----------|--------------|---------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                   |            |           |              |         |               |                             |             |          | <a href="#">OpTMr9yeBoCpzEQAvD_BwE</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 414 | Mica màu vàng     |            |           |              |         |               |                             | cái         | 2        | <a href="https://shopee.vn/product/801469114/40523008658?gads_t_sig=gqRjZGVrxHCFomtpsTE0MjUxOnRzc19zZGtfa2V5omt20QABpGFsZ2_SAAAAZKNkZWvAomN0xEAAAAAM_NxfHGgeczprZR4Q8tPoOfvwhbtN63JIB369xGJA1mbqBWuW2sVWxQjSJT_xTmbG0_W5kumedB_GGTjqmNpcGhlcnRleHTEbgA_AAAy2CKQW3xaIHRSAwc9uwxq9XOb2AM-Ndmv992sBm1vB348QU4CdqX665sFwTYbTjx7Hp2OLx9aX89h7M8d7maSTvrnrz6ZokdJZY61Fa5-DbA9YJY8MB_Bvpix_UQ8NfMtj88bvih1hzbzf&amp;gad_source=1&amp;gad_campaignid=22496085537&amp;gbraid=0AAAAADPpQE4ep9mpyLHqQV2Uppv9UgbdB&amp;gclid=CjwKCAjwpK3SBhASEiwAtV1SPKHBm_-qbYgUAiANnPoDUL_qhJlJM7ovc90vUb_45Y9wp8zOpTMr9yeBoCpzEQAvD_BwE">https://shopee.vn/product/801469114/40523008658?gads_t_sig=gqRjZGVrxHCFomtpsTE0MjUxOnRzc19zZGtfa2V5omt20QABpGFsZ2_SAAAAZKNkZWvAomN0xEAAAAAM_NxfHGgeczprZR4Q8tPoOfvwhbtN63JIB369xGJA1mbqBWuW2sVWxQjSJT_xTmbG0_W5kumedB_GGTjqmNpcGhlcnRleHTEbgA_AAAy2CKQW3xaIHRSAwc9uwxq9XOb2AM-Ndmv992sBm1vB348QU4CdqX665sFwTYbTjx7Hp2OLx9aX89h7M8d7maSTvrnrz6ZokdJZY61Fa5-DbA9YJY8MB_Bvpix_UQ8NfMtj88bvih1hzbzf&amp;gad_source=1&amp;gad_campaignid=22496085537&amp;gbraid=0AAAAADPpQE4ep9mpyLHqQV2Uppv9UgbdB&amp;gclid=CjwKCAjwpK3SBhASEiwAtV1SPKHBm_-qbYgUAiANnPoDUL_qhJlJM7ovc90vUb_45Y9wp8zOpTMr9yeBoCpzEQAvD_BwE</a> |
| 415 | Mica màu xám      |            |           |              |         |               |                             | cái         | 2        | <a href="https://shopee.vn/product/801469114/40523008658?gads_t_sig=gqRjZGVrxH">https://shopee.vn/product/801469114/40523008658?gads_t_sig=gqRjZGVrxH</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                            | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|--------------|---------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                              |            |           |              |         |               |                             |             |          | <a href="https://www.newport.com/p/RFCR">CFomtpsTE0MjUxOnRzc19zZGtfa2V5omt20QABpGFsZ2_SAAAAZKNkZWvAomN0xEAAAAAM_NxfHGgeczprZR4Q8tPoOfvwhbtN63JlB369xGJA1mbqBWuW2sVWxQjSJT_xT_mbG0_W5kumedB_GGTjqmNpcGhlcnRleHTEbgA AAAY2CKQW3xaIHRSAwc9uwxq9XOb2AM-Ndmv992sBm1vB348QU4CdqX665sFwTYbTjx7Hp2OLx9aX89h7M8d7maSTvrmrz6ZokdJZY61Fa5-DbA9YJY8MB_Bvpix_UQ8NfMtj88bvih1hzbzf&amp;gad_source=1&amp;gad_campaignid=22496085537&amp;gbrandid=0AAAAADPpQE4ep9mpyLHqQV2Uppv9UgbdB&amp;gclid=CjwKCAjwpK3SBhASEiwAtV1SPKHBm-qbYgUAiANnPoDUL_qhJ JM7ovc90vUb_45Y9wp8zOpTMr9yeBoCpzEQAvD_BwE</a> |
| 416 | Nước vệ sinh thấu kính                                                       |            |           |              |         |               |                             | Chai        | 2        | <a href="https://www.newport.com/p/RFCR">https://www.newport.com/p/RFCR</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 417 | Heat Block (khối lập phương)<br>Đồng C1100,<br>60×60×60 mm<br>(gia công CNC) |            |           |              |         |               |                             | cái         | 1        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                             | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                                                                                                                                                      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|--------------|---------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 418 | Thanh đồng (Cu)<br>C1100, 20×20×200 mm                                                        |            |           |              |         |               |                             | cái         | 1        |                                                                                                                                                              |
| 419 | Thanh nhôm (Al)<br>A6061, 20×20×200 mm                                                        |            |           |              |         |               |                             | cái         | 1        |                                                                                                                                                              |
| 420 | Thanh inox<br>SUS304,<br>20×20×200 mm                                                         |            |           |              |         |               |                             | cái         | 1        | <a href="https://www.tieuam.com/vi/bao-gia-bong-gom-ceramic-ht300.html">https://www.tieuam.com/vi/bao-gia-bong-gom-ceramic-ht300.html</a>                    |
| 421 | Ceramic Fiber Board<br>1260°C, dày 20 mm                                                      |            |           |              |         |               |                             | tấm         | 1        | <a href="https://www.tieuam.com/vi/bao-gia-bong-gom-ceramic-ht300.html">https://www.tieuam.com/vi/bao-gia-bong-gom-ceramic-ht300.html</a><br>Luyang / Á Châu |
| 422 | Cartridge Heater<br>(Điện trở gia nhiệt<br>đầu nung)<br>Ø6×40 mm, 24V<br>DC,100W              |            |           |              |         |               |                             | cái         | 2        |                                                                                                                                                              |
| 423 | Nguồn một chiều<br>DC RIGOL DP711<br>(150W; 30V/5A;<br>01CH)                                  |            |           |              |         |               |                             | bộ          | 1        | <a href="https://rigolshop.vn/nguon-mot-chieu-dc-rigol-dp711-150w-30v-5a-01ch/">https://rigolshop.vn/nguon-mot-chieu-dc-rigol-dp711-150w-30v-5a-01ch/</a>    |
| 424 | Data Logger - Bộ<br>đọc tín hiệu nhiệt<br>(Graphtec GL240<br>hoặc tương đương -<br>8-10 kênh) |            |           |              |         |               |                             | bộ          | 1        | <a href="https://www.graphteccorp.com/logger/gl240/">https://www.graphteccorp.com/logger/gl240/</a>                                                          |
| 425 | Cảm biến nhiệt độ<br>K-type<br>Model: WRN-035;                                                |            |           |              |         |               |                             | bộ          | 6        | <a href="https://epcb.vn/products/ca-m-bien-nhiet-do-cap-nhiet-dien-loai-k-e">https://epcb.vn/products/ca-m-bien-nhiet-do-cap-nhiet-dien-loai-k-e</a>        |



| STT | Danh mục hàng hóa                                               | Ký mã hiệu      | Nhãn hiệu  | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất                         | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                                                             | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-----------------|------------|--------------|------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|---------|
|     | Đường kính đầu dò 3mm; Chiều dài đầu dò 50 mm; dây dài 1m       |                 |            |              |            |                                       |                                                                                                                                         |              |          |         |
| 426 | Keo tản nhiệt Thermal Grease (Arctic MX-6)                      |                 |            |              |            |                                       |                                                                                                                                         | cái          | 2        |         |
| 427 | Găng tay chịu nhiệt                                             |                 |            |              |            |                                       |                                                                                                                                         | đôi          | 2        |         |
| 428 | Ethanol-C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH                        | Ethanol-99.5-1L | Chemsol    | 2025         | Việt Nam   | VINA-CHEM                             | Phần trăm độ tinh khiết: 99.5%<br>Dạng vật lý: lỏng                                                                                     | Chai/1lít    | 20       |         |
| 429 | Sodium Hydroxide, NaOH                                          | 1.01394.058     | GHTECH     | 2025         | Trung Quốc | Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd. | Nồng độ phần trăm (NaOH): ≥96,0%<br>Hàm lượng Carbonate (as Na <sub>2</sub> CO <sub>3</sub> ): ≤1,5%<br>Hàm lượng Chloride(Cl): ≤0,005% | Chai/500 gam | 5        |         |
| 430 | Potassium Hydroxide, KOH                                        | 1.01763.028     | GHTECH     | 2025         | Trung Quốc | Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd. | Nồng độ phần trăm: ≥85,0%<br>Hàm lượng Carbonate(as K <sub>2</sub> CO <sub>3</sub> ): ≤1,5%<br>Hàm lượng Chloride(Cl): ≤0,01%           | Chai/500 gam | 5        |         |
| 431 | H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>                                  |                 | Xilong     |              | TQ         | Xilong                                | Chai/ 500 mL                                                                                                                            | 5            | 5        |         |
| 432 | HCl                                                             |                 | Xilong     |              | TQ         |                                       | Chai/ 500 mL                                                                                                                            | 3            | 3        |         |
| 433 | Barium chloride dihydrate, BaCl <sub>2</sub> .2H <sub>2</sub> O |                 | Xilong     |              | Trung Quốc |                                       |                                                                                                                                         | Chai/500 gam | 1        |         |
| 434 | Copper(II) chloride dihydrate,                                  |                 | Trung Quốc |              | Trung Quốc |                                       |                                                                                                                                         | Chai/500     | 1        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                                                    | Ký mã hiệu      | Nhãn hiệu          | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất                         | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                           | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------|--------------|------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|---------|
|     | CuCl <sub>2</sub> .2H <sub>2</sub> O                                                                                 |                 |                    |              |            |                                       |                                                                                                       | gam          |          |         |
| 435 | Đồng(II) sulfat pentahydrat, CuSO <sub>4</sub> .5H <sub>2</sub> O                                                    | 1.09025.016     | GHTECH             | 2025         | Trung Quốc | Guangdong Guanghua Sci-Tech Co., Ltd. | Dạng vật chất: Tinh thể màu xanh lam<br>Tỷ trọng tương đối (nước = 1): 2,28<br>Độ nóng chảy (°C): 200 | Chai/500 gam | 1        |         |
| 436 | Bộ lọc chân không loại 500 mL (phễu sứ Buchner 100 mm, nút cao su, bình chứa thủy tinh có nhánh hút thể tích 500 mL) |                 |                    |              |            |                                       |                                                                                                       | Bộ           | 2        |         |
| 437 | Bình tam giác có vòi 500 ML                                                                                          | BLS.1205.04     | Biohall Germany    | 2025         | Ấn Độ      | Biohall                               | Vật liệu: thủy tinh Boro 3.3<br>Dung tích: 500 ml                                                     | Cái          | 2        |         |
| 438 | Nút silicon                                                                                                          |                 | Onelab             |              | Trung Quốc |                                       |                                                                                                       | Cái          | 2        |         |
| 439 | Phễu sứ 100mm(250ml)                                                                                                 |                 | Onelab             |              | Trung Quốc |                                       |                                                                                                       | Cái          | 2        |         |
| 440 | Thìa cân 2 đầu tròn 220mm                                                                                            |                 | Onelab             |              | Trung Quốc |                                       |                                                                                                       | Cái          | 12       |         |
| 441 | Thìa mức hoá chất Micro spoon 210 mm ISOLAB                                                                          | 047.06.210      | Isolab             |              |            | Isolab                                |                                                                                                       | Cái          | 12       |         |
| 442 | Petri thủy tinh 150/25mm                                                                                             | 632.602.005.150 | DINLAB LABORGERÄTE |              |            | DINLAB LABORGERÄTE                    |                                                                                                       | Cái          | 2        |         |
| 443 | Kéo Văn Phòng Deli 210mm 6010                                                                                        |                 | Việt Nam           |              |            |                                       |                                                                                                       | Cái          | 20       |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                       | Ký mã hiệu  | Nhãn hiệu  | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất                   | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                  | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------|-------------|------------|--------------|------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|---------|
| 444 | Đũa Thủy tinh F7*300mm                  | 1294-7-300  | ONELAB     | 2025         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                  | Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3<br>Kích thước: Đường kính 7 mm x dài 300 mm     | Cái          | 20       |         |
| 445 | Ống nghiệm trơn 16x100mm                |             | Onelab     |              | Trung Quốc | Zhejiang Huili                  |                                                                              | Cái          | 100      |         |
| 446 | Bình định mức thủy tinh, màu trắng 50ml | 1621A-0050  | ONELAB     | 2025         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                  | Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa<br>Dung tích: 50 ml<br>Class A        | Cái          | 20       |         |
| 447 | Bình định mức thủy tinh, màu trắng 25ml |             | ONELAB     | 2025         | Trung Quốc |                                 |                                                                              | Cái          | 20       |         |
| 448 | Bình định mức thủy tinh, màu trắng 10ml | 1621A-0010  | ONELAB     | 2025         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                  | Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa<br>Dung tích: 10 ml<br>Class A        | Cái          | 20       |         |
| 449 | Giấy cân 100x100mm                      | C14650 004P | ONELAB     | 2025         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                  | Vật liệu: Giấy<br>Kích thước: 100 x100 mm                                    | Hộp/ 500 tờ  | 5        |         |
| 450 | Bút lông dầu                            | PM-04       | Thiên Long | 2025         | Việt Nam   | Thiên Long                      | Bề rộng nét viết: 1 mm & 0.4 mm<br>Màu mực đậm tươi, mực ra đều và liên tục. | Cái          | 5        |         |
| 451 | Băng keo trong băng 5cm                 | Băng keo 5F | Hải Âu     | 2025         | Việt Nam   | Hải Âu                          | Chất liệu: BOPP<br>Cuộn: 50 mm x 200 yard                                    | Cuộn         | 2        |         |
| 452 | Giấy PH 1-14                            | PHT1-14     | Newstar    | 2025         | Trung Quốc | Hangzhou Special Paper Industry | Dãy số màu: 1-14<br>Tập: 80 test                                             | Tập/ 80 test | 20       |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                                                    | Ký mã hiệu          | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất                 | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                                  | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|--------------|------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|---------|
|     |                                                                                                                      |                     |           |              |            | Co.,Ltd                       |                                                                                                              |              |          |         |
| 453 | Ống ly tâm 15ml                                                                                                      | 10-9152             | Biologix  | 2025         | Trung Quốc |                               |                                                                                                              | Gói/ 25 cái  | 4        |         |
| 454 | Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 15ml-17x120mm                                                                    | 21408               | Flmedical | 2025         | Ý          | Flmedical                     | Vật liệu: Nhựa PP<br>Kích thước: 17x120 mm                                                                   | Gói/ 50 cái  | 2        |         |
| 455 | Ống nhỏ giọt nhựa Pasteur 3ml                                                                                        | US-C43810040 PH     | ONELAB    | 2025         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                | Dung tích: 3 ml<br>Chiều dài: 155 mm                                                                         | Hộp/ 500 cái | 1        |         |
| 456 | Giấy nhám P240                                                                                                       | P240                | Kovax     | 2025         | Nhật Bản   | Kovax                         | Kích thước: 230*280mm<br>Độ nhám: 240                                                                        | Xấp/ 100 tờ  | 1        |         |
| 457 | Chai thủy tinh Vial trắng 10ml, 22x52mm+ Nắp vặn kín 18-400 (màu trắng, PP), Septa 1.5mm Natural PTFE/White Silicone | C0000053+ C0000221  | ALWSCI    | 2025         | Trung Quốc | ALWS CI Technologies Co., Ltd | Vật liệu: Thủy tinh<br>Dung tích: 10ml<br>Đường kính: 22x52mm<br>Vật liệu: Nhựa PP<br>Kích thước: 18mm       | Hộp/ 100 cái | 1        |         |
| 458 | Găng tay size M                                                                                                      | Latex-có bột Size M | Top Glove | 2025         | Malaysia   | Khải Hoàn                     |                                                                                                              | Hộp/ 100 cái | 10       |         |
| 459 | Khăn ăn 33x33cm                                                                                                      | Vuông-33cm          | Pulppy    | 2025         | Việt Nam   | Pulppys                       | Vật liệu: Bột giấy nguyên chất<br>Đặc tính Giấy mềm hơn, dai hơn, thấm hút tốt hơn<br>Khổ giấy 33 cm x 33 cm | Gói/ 80 tờ   | 10       |         |
| 460 | Giấy vệ sinh                                                                                                         | Giấy lụa-2 lớp      | Pulppy    | 2025         | Việt Nam   | Pulppys                       | 100% bột giấy nguyên chất<br>Dạng cuộn, giấy vệ sinh 2 lớp                                                   | Lốc/ 10 cuộn | 5        |         |
| 461 | Nước rửa chén                                                                                                        | Sunlight750         | Sunlight  | 2025         | Việt Nam   | Unilever                      | Nước rửa chén: hương chanh                                                                                   | Chai/750 gam | 5        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                         | Ký mã hiệu        | Nhãn hiệu   | Năm sản xuất | Xuất xứ  | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------|-------------------|-------------|--------------|----------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|---------|
|     |                                           |                   |             |              |          |               | Dung tích: 750 gam<br>An toàn cho người sử dụng                                                                                                                                                                                                              |              |          |         |
| 462 | Nước rửa tay                              | LB-3433452        | Lifebouy    | 2025         | Việt Nam | Unilever      | Dạng chai 450 gam<br>Ngăn ngừa vi khuẩn lây lan trên da với ion Bạc+ hỗ trợ cùng đề kháng da tự nhiên                                                                                                                                                        | Chai/450 gam | 5        |         |
| 463 |                                           |                   |             |              |          |               |                                                                                                                                                                                                                                                              |              |          |         |
| 464 | Nước cất 2 lần (Can 30 lít)               | Nước cất < 2μS/Cm | Hoàng Giang | 2025         | Việt Nam | Hoàng Giang   | Độ dẫn < 2μS/Cm<br>Màu: trong suốt<br>Nước cất tinh khiết, nguyên chất, được điều chế bằng cách chưng cất và thường được sử dụng trong y tế như pha chế thuốc tiêm, thuốc uống, biệt dược, rửa dụng cụ y tế, rửa vết thương<br>Quy cách đóng gói: can 30 lít | Lít          | 60       |         |
| 465 | Găng tay cao su có bột                    |                   | Top glove   |              |          |               | size M (10 hộp) size L (10 hộp)                                                                                                                                                                                                                              | Hộp/100c     | 20       |         |
| 466 | Anhydride acetic                          |                   |             |              |          |               |                                                                                                                                                                                                                                                              | chai/500g    | 1        |         |
| 467 | Sodium Nitrite, NaNO <sub>2</sub>         |                   |             |              |          |               |                                                                                                                                                                                                                                                              | chai/500g    | 1        |         |
| 468 | Ethanol, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH |                   |             |              |          |               |                                                                                                                                                                                                                                                              | chai/500mL   | 5        |         |
| 469 | Methanol, CH <sub>3</sub> OH              |                   |             |              |          |               |                                                                                                                                                                                                                                                              | chai/500mL   | 5        |         |
| 470 | Salicylic Acid,                           |                   |             |              |          |               |                                                                                                                                                                                                                                                              | Chai/50      | 2        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                   | Ký mã hiệu    | Nhãn hiệu    | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất                           | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                   | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------|---------------|--------------|--------------|------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|---------|
|     | C7H6O3                                              |               |              |              |            |                                         |                                                                                               | 0g           |          |         |
| 471 | Acid Sulfanilic                                     |               |              |              |            |                                         |                                                                                               | Chai/500mL   | 2        |         |
| 472 | Dimethylaniline                                     |               |              |              |            |                                         |                                                                                               | Chai/500mL   | 1        |         |
| 473 | Ethanol 96%                                         | C2H5OH-96-LIT | Lê Gia       | 2025         | Việt Nam   | Lê Gia                                  | Nồng độ phần trăm: 96%<br>Dạng vật chất: Chất lỏng<br>Trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng | Lít          | 15       |         |
| 474 | Ống nhỏ giọt thủy tinh (chưa bao gồm nút cao su đỏ) |               | ONELAB       |              | Việt Nam   |                                         |                                                                                               | Cái          | 30       |         |
| 475 | Bình hứng + phễu Buchner + nút cao su               |               |              |              |            |                                         |                                                                                               | Bộ           | 5        |         |
| 476 | Giấy PH 1-14                                        | PHT1-14       | Newstar      | 2025         | Trung Quốc | Hangzhou Special Paper Industry Co.,Ltd | Dãy số màu: 1-14<br>Tập: 80 test                                                              | Tập/ 80 test | 5        |         |
| 477 | Giấy cân 100x100mm                                  | C14650004P    | ONELAB       | 2025         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                          | Vật liệu: Giấy<br>Kích thước: 100 x100 mm                                                     | Hộp/ 500 tờ  | 2        |         |
| 478 | Nhiệt kế rượu 200 độ C                              | C39050010E    | ONELAB       | 2025         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                          | Vật liệu: Thủy tinh<br>Loại: Nhiệt kế thân rượu<br>Nhiệt độ: -20°C - 200°C                    | Cái          | 10       |         |
| 479 | Màng nhôm 30cm x 5 mét                              | MN3568286     | Co.op Select | 2025         | Việt Nam   | Saigon Coop                             | Kích thước: 3 cm x5 m<br>Thành phần: 100%                                                     | Cuộn         | 2        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                      | Ký mã hiệu   | Nhãn hiệu    | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất     | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|--------------|------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
|     |                                                                        |              |              |              |            |                   | màng nhôm lá mỏng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |          |         |
| 480 | Màng bọc thực phẩm 30cm x 30 m                                         | MBTP3271 244 | Ringo        | 2025         | Việt Nam   | Ringo             | Loại sản phẩm: Màng PE bọc thực phẩm<br>Kích thước: Dài 30 m x rộng 30 cm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cuộn        | 4        |         |
| 481 | Acetone công nghiệp                                                    |              | Việt Nam     |              | Việt Nam   |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Lít         | 15       |         |
| 482 | Bộ lọc sương dầu<br>(phụ kiện dùng cho bơm dầu Wiggens R-4SN và R-8SN) | 900101-1     | Wiggens GmbH |              | Trung Quốc | WIGGENS CO., LTD. | Mô tả dụng cụ<br>Sự thoát khí từ bộ phận xả của thiết bị thường sinh ra một ít "sương dầu", điều này gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và đôi khi gây hại.<br>Bộ lọc khí thải của Chemvak có thể hỗ trợ ngăn chặn các "sương dầu" này and đẩy nó quay ngược lại bơm cũng như có thể giảm thiểu tiếng ồn.<br>Thích hợp cho các dòng bơm dầu có kết nối trực tiếp, đầu ra kiểu DN25KF. | Cái         | 1        |         |
| 483 | Hũ vial 10mL                                                           |              |              |              |            |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | cái         | 20       |         |
| 484 | Giấy lọc định tính chảy trung, hộp 100 tờ -Newstar                     |              | Newstar      |              | Trung Quốc |                   | Size 110mm 10 hộp, size 55mm 10 hộp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hộp/ 100 tờ | 20       |         |
| 485 | Ống mao quản dài 80mm x đường kính 1.55mm, kín/hở                      | 2940210      | Marienfeld   |              |            |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Hộp/ 100c   | 2        |         |
| 486 | Túi rác 64x78cm                                                        | Bao rác      | Co.op        | 2025         | Việt Nam   | Saigon            | Size sản phẩm: trung,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Kg          | 2        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                | Ký mã hiệu         | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                                 | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                                                                                                                                 |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------|-----------|--------------|------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                  | Đại-1Kg            | Select    |              |            | Coop          | 640 x 780 mm<br>Sản phẩm có màu đen, thân thiện với môi trường<br>Sản phẩm gồm 3 cuộn, tổng trọng lượng 1kg |             |          |                                                                                                                                         |
| 487 | Cao su non                                       |                    | Việt Nam  |              |            |               |                                                                                                             | Cuộn        | 2        |                                                                                                                                         |
| 488 | Tấm bản mỏng silica gel<br>bằng nhôm 20*20cm     |                    |           |              |            |               |                                                                                                             |             |          |                                                                                                                                         |
| 489 | Acid acetic băng                                 |                    |           |              |            |               |                                                                                                             | chai/500mL  | 3        |                                                                                                                                         |
| 490 | Ống Silicone 8*12 mm                             | US-C42530 - 008/12 | ONELAB    |              | Trung Quốc |               |                                                                                                             | mét         | 3        |                                                                                                                                         |
| 491 | Nhíp 16 cm                                       | FC200-160          | ONELAB    | 2024         |            |               |                                                                                                             |             | 5        |                                                                                                                                         |
| 492 | Chổi quét nhà                                    |                    |           |              |            |               |                                                                                                             |             | 1        |                                                                                                                                         |
| 493 | Chổi lau nhà                                     |                    |           |              |            |               |                                                                                                             |             | 1        |                                                                                                                                         |
| 494 | Khăn lau                                         |                    |           |              |            |               |                                                                                                             |             | 5        |                                                                                                                                         |
| 495 | Nước rửa tay 180 g                               | lifebuoy180        | Lifebuoy  | 2024         | Việt Nam   | Lifebuoy      | Dạng chai 450 gam<br>Ngăn ngừa vi khuẩn lây lan trên da với ion Bạc+ hỗ trợ cùng đề kháng da tự nhiên       | Chai/180g   | 5        |                                                                                                                                         |
| 496 | Bộ quần áo, giày phòng sạch (màu trắng)          |                    |           |              |            |               |                                                                                                             | Bộ          | 5        |                                                                                                                                         |
| 497 | SiO2 Wafer (4-6 inch), độ dày lớp oxide ~300 nm. |                    |           |              |            |               |                                                                                                             | Pack        | 1        |                                                                                                                                         |
| 498 | ĐÈN LED CHO KÍNH HIỂN VI SOI NỔI                 | FX-03 hay PHLED64  |           |              | Trung Quốc |               |                                                                                                             | Cái         | 1        | <a href="https://linhkienquoccuong.vn/den-led-kinh-hien-vi-fx-03.html">https://linhkienquoccuong.vn/den-led-kinh-hien-vi-fx-03.html</a> |
| 499 | Set linh kiện điện tử                            |                    |           |              | VN         |               |                                                                                                             | Bộ          |          | <a href="https://shopee.vn/produc">https://shopee.vn/produc</a>                                                                         |



| STT | Danh mục hàng hóa                         | Ký mã hiệu                 | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|-------------------------------------------|----------------------------|-----------|--------------|------------|---------------|-----------------------------|-------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | chuyên dụng (điện trở, tụ điện, diode...) |                            |           |              |            |               |                             |             |          | t/151571719/26101604878?gads_t_sig=gqRjZGVrxHCFomtpsTE0MjUxOnRzc19zZGtfa2V5o mt20QABpGFsZ2_SAA AAZKNkZWvAomN0xEAAAAAM_NxfHGgeczprZR4Q8tPoOfvwhbtN63JlB369xGJA1mbqBWuW2sVWxQjSJT_xT_mbG0_W5kumedB_GGTjqmNpcGhlcnRleHT EbgAAAAw7eh1dCsHNGOYM5vcGJRN3LNp4Jy7GwMdHkmArsfSRxQ9y0VwShRLFU_4bX9qRIbLZhdtJgSEzOQPN_FejPo6CCvSKK6R3OaQNVicDSxWNcbfvFpjWT5aYTZI8JhnP1XqJ_bxOQcorrtke |
| 500 | Ampe Kìm                                  | Fluke 301C True-rms        |           |              | Trung Quốc |               |                             | Cái         | 1        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 501 | Bộ nhíp gấp linh kiện                     | Pro'sKit 808-389 ( 4 cây ) |           |              | Trung Quốc |               |                             | Bộ          | 2        | <a href="https://dientudanxuan.com/products/bo-nhip-gap-linh-kien-proskit-808-389">https://dientudanxuan.com/products/bo-nhip-gap-linh-kien-proskit-808-389</a>                                                                                                                                                                                                            |
| 502 | Nhíp gấp linh kiện                        | Pro'sKit TZ-116 ( 120 mm ) |           |              | Trung Quốc |               |                             | Cái         | 3        | <a href="https://dientudanxuan.com/products/nhip-gap-linh-kien-proskit-tz-116">https://dientudanxuan.com/products/nhip-gap-linh-kien-proskit-tz-116</a>                                                                                                                                                                                                                    |
| 503 | Găng tay không bột                        | Vglove size M, L           |           |              | Trung Quốc |               |                             | Hộp         | 10       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 504 | Khăn lau phòng sạch                       | Cleanroom                  |           |              | Trung      |               |                             | Túi         | 5        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                                           | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ  | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|--------------|----------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
|     |                                                                                                             | Wiper 8009 |           |              | Quốc     |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |          |         |
| 505 | Đĩa petri nhựa đường kính 90mm x chiều cao 15mm. vô trùng                                                   | FT506      | Finetech  | 2024 - 2025  | Việt Nam | Finetech      | Đĩa petri nhựa đường kính 90mm x chiều cao 15mm. vô trùng                                                                                                                                                                                                                              | Gói/20 cái  | 4        |         |
| 506 | Đĩa thạch môi trường TSA đúc sẵn. đường kính 90mm                                                           | TSA9010    | Alpachem  | 2024 - 2025  | Việt Nam | Alpachem      | BacterPlate™ Tryptic Soy Agar (TSA) là môi trường đồ sẵn trên đĩa petri 90mm được sử dụng chủ yếu như một môi trường sinh trưởng ban đầu cho mục đích quan sát hình thái khuẩn lạc. phát triển nuôi cấy thuần và đạt được sự phát triển đủ cho xét nghiệm hóa sinh và bảo quản sau đó. | Hộp/10 đĩa  | 6        |         |
| 507 | Ethanol Absolute 99,8%, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH                                                    | Cồn-1L     | Chemsol   | 2024         | Việt Nam | VINA Chem     | Phần trăm độ tinh khiết: 99,8%<br>Dạng vật lý: Chất lỏng không màu<br>Dùng trong phòng thí nghiệm                                                                                                                                                                                      | Chai/1L     | 4        |         |
| 508 | TOPSAFE® AGAROSE ELECTROPHORESIS (gồm Gel 1.5%. Dung dịch TAE 50X. Dung dịch nạp mẫu (6X). Thang DNA 100bp) | AEP-01     | ABT       | 2024 - 2025  | Việt Nam | ABT           | Thang DNA 100bp:60µL<br>6X GelGreen Loading Buffer: 100 µL<br>TAE 50X 100ml<br>Agarose: 5g                                                                                                                                                                                             | Bộ/50 test  | 6        |         |
| 509 | Oligonucleotide 38                                                                                          | PRI-03.100 | ABT       | Việt         | Việt Nam | ABT           |                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ống         | 2        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                | Ký mã hiệu                          | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ  | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật                    | Đơn vị tính     | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------|--------------|----------|---------------|------------------------------------------------|-----------------|----------|---------|
|     | base,<br>100nmol<br>5'-<br>GGGTTGGGGTCG<br>TTTTGTCGTTTTG<br>TCGTTGGGTTGG<br>G-3' |                                     |           | Nam          |          |               |                                                |                 |          |         |
| 510 | RAW 264.7 CELLS,<br>MOUSE<br>MONOCYTE<br>MACROPHAGE 1 vial                       | 91062702-<br>1VL                    | Sigma     |              |          | Sigma         |                                                | Ống             | 1        |         |
| 511 | DULBECCO'S<br>MODIFIED<br>EAGLE'S<br>MEDIUM - HIG                                | D6546-<br>500ML                     | Sigma     |              |          | Sigma         | sterile-filtered, suitable<br>for cell culture | Chai/50<br>0ml  | 1        |         |
| 512 | Fetal Bovine Serum<br>non-USA origin                                             | F7524-<br>50ML                      | Sigma     |              |          | Sigma         | sterile-filtered, suitable<br>for cell culture | Chai/50<br>ml   | 1        |         |
| 513 | Penicillin-<br>Streptomycin, Solution                                            | 4333-20mL                           | Sigma     |              |          | Sigma         | sterile-filtered, suitable<br>for cell culture | Chai/20<br>ml   | 1        |         |
| 514 | Trypan Blue<br>solution 0.4%,<br>liquid, sterile-<br>filtered                    | T8154,<br>CAS<br>Number 72-<br>57-1 | Sigma     |              |          | Sigma         |                                                | Chai/20<br>ml   | 1        |         |
| 515 | Giấy vệ sinh                                                                     |                                     | Pulppy    |              | Việt Nam |               |                                                | Gói/ 10<br>cuộn | 16       |         |
| 516 | Khăn giấy vuông<br>33x33cm                                                       |                                     | Pulppy    |              | Việt Nam |               |                                                | Gói/<br>80t     | 20       |         |
| 517 | Nước rửa chén<br>Sunlight chanh                                                  |                                     | Sunlight  |              | Việt Nam |               |                                                | Chai/<br>750g   | 12       |         |
| 518 | Găng tay cao su                                                                  |                                     | Vglove    |              |          |               |                                                | Hộp/            | 20       |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                          | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ  | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật   | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|--------------|----------|---------------|-------------------------------|-------------|----------|---------|
|     | không bột Nitrile                                                          |            |           |              |          |               |                               | 100c        |          |         |
| 519 | Khẩu trang nhiều lớp                                                       |            | PA        |              | Malaysia |               |                               | Hộp/50c     | 15       |         |
| 520 | Màng bọc thực phẩm 30cm x 30m                                              |            | Ringo     |              | Việt Nam |               |                               | Cuộn        | 2        |         |
| 521 | Ống ly tâm nhựa PP đáy nhọn kẻ vạch 50ml                                   | 21408      | Flmedical |              | Ý        |               |                               | Gói/50c     | 3        |         |
| 522 | Ethanol-C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH                                   |            | Chemsol   |              | Việt Nam |               |                               | Chai/500ml  | 10       |         |
| 523 | Nước cất 1 lần                                                             |            | Việt Nam  |              | Việt Nam |               |                               | Lít         | 60       |         |
| 524 | Túi zip chỉ đỏ 6x8cm                                                       |            | Việt Nam  |              |          |               |                               | Kg          | 1        |         |
| 525 | Petri thủy tinh 150/25 mm                                                  |            | DINLAB    |              |          |               |                               | Cái         | 20       |         |
| 526 | CuNO <sub>3</sub>                                                          |            |           |              | TQ       |               |                               | Chai/500g   | 5        |         |
| 527 | Giấy cân 100x100mm                                                         |            | Onelab    |              | TQ       |               |                               | Hộp/500 tờ  | 2        |         |
| 528 | HCl                                                                        |            |           |              | TQ       |               |                               | Chai/500mL  | 5        |         |
| 529 | NH <sub>3</sub>                                                            |            |           |              | TQ       |               |                               | Chai/500mL  | 5        |         |
| 530 | NaBH <sub>4</sub>                                                          |            |           |              | TQ       |               |                               | Chai/100g   | 3        |         |
| 531 | NaOH                                                                       |            |           |              | TQ       |               |                               | Chai/500g   | 1        |         |
| 532 | <a href="#">Bộ dụng cụ thí nghiệm dạy học Pin điện hóa sơ cấp (J26033)</a> |            | ANH KHOA  |              | VN       |               |                               | Bộ          | 2        |         |
| 533 | Găng tay cao su có bột                                                     |            | Top glove |              |          |               | size M (5 hộp) size L (5 hộp) | Hộp/100c    | 10       |         |
| 534 | Anhydride acetic                                                           |            |           |              |          |               |                               | chai/50     | 2        |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                            | Ký mã hiệu                              | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất                           | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                   | Đơn vị tính  | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------|--------------|------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|---------|
|     |                                                              |                                         |           |              |            |                                         |                                                                                               | 0g           |          |         |
| 535 | Sodium Nitrite, NaNO <sub>2</sub>                            |                                         |           |              |            |                                         |                                                                                               | chai/500g    | 1        |         |
| 536 | Ethanol, C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH                    |                                         |           |              |            |                                         |                                                                                               | chai/500mL   | 5        |         |
| 537 | Methanol, CH <sub>3</sub> OH                                 |                                         |           |              |            |                                         |                                                                                               | chai/500mL   | 5        |         |
| 538 | Salicylic Acid, C <sub>7</sub> H <sub>6</sub> O <sub>3</sub> |                                         |           |              |            |                                         |                                                                                               | Chai/500g    | 4        |         |
| 539 | Acid Sulfanilic                                              |                                         |           |              |            |                                         |                                                                                               | Chai/500mL   | 2        |         |
| 540 | Ethanol 96%                                                  | C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> OH-96-LIT | Lê Gia    | 2025         | Việt Nam   | Lê Gia                                  | Nồng độ phần trăm: 96%<br>Dạng vật chất: Chất lỏng<br>Trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng | Lít          | 15       |         |
| 541 | Ống nhỏ giọt thủy tinh (chưa bao gồm nút cao su đỏ)          |                                         | ONELAB    |              | Việt Nam   |                                         |                                                                                               | Cái          | 30       |         |
| 542 | Bình hứng + phễu Buchner + nút cao su                        |                                         |           |              |            |                                         |                                                                                               | Bộ           | 5        |         |
| 543 | Giấy PH 1-14                                                 | PHT1-14                                 | Newstar   | 2025         | Trung Quốc | Hangzhou Special Paper Industry Co.,Ltd | Dãy số màu: 1-14<br>Tập: 80 test                                                              | Tập/ 80 test | 5        |         |
| 544 | Giấy cân 100x100mm                                           | C14650004P                              | ONELAB    | 2025         | Trung Quốc | Zhejiang Huili                          | Vật liệu: Giấy<br>Kích thước: 100 x100 mm                                                     | Hộp/ 500 tờ  | 2        |         |
| 545 | Nhiệt kế rượu 200 độ                                         | C39050                                  | ONELAB    | 2025         | Trung      | Zhejiang                                | Vật liệu: Thủy tinh                                                                           | Cái          | 10       |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                      | Ký mã hiệu  | Nhãn hiệu    | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất     | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------|--------------|------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
|     | C                                                                      | 010E        |              |              | Quốc       | g Huili           | Loại: Nhiệt kế thân rượu<br>Nhiệt độ: -20°C - 200°C                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |          |         |
| 546 | Màng nhôm 30cm x 5 mét                                                 | MN3568286   | Co.op Select | 2025         | Việt Nam   | Saigon Coop       | Kích thước: 3 cm x5 m<br>Thành phần: 100% màng nhôm lá mỏng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cuộn        | 2        |         |
| 547 | Màng bọc thực phẩm 30cm x 30 m                                         | MBTP3271244 | Ringo        | 2025         | Việt Nam   | Ringo             | Loại sản phẩm: Màng PE bọc thực phẩm<br>Kích thước: Dài 30 m x rộng 30 cm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cuộn        | 4        |         |
| 548 | Acetone công nghiệp                                                    |             | Việt Nam     |              | Việt Nam   |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Lít         | 15       |         |
| 549 | Bộ lọc sương dầu<br>(phụ kiện dùng cho bơm dầu Wiggins R-4SN và R-8SN) | 900101-1    | Wiggins GmbH |              | Trung Quốc | WIGGENS CO., LTD. | Mô tả dụng cụ<br>Sự thoát khí từ bộ phận xả của thiết bị thường sinh ra một ít "sương dầu", điều này gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và đôi khi gây hại.<br>Bộ lọc khí thải của Chemvak có thể hỗ trợ ngăn chặn các "sương dầu" này and đẩy nó quay ngược lại bơm cũng như có thể giảm thiểu tiếng ồn.<br>Thích hợp cho các dòng bơm dầu có kết nối trực tiếp, đầu ra kiểu DN25KF. | Cái         | 2        |         |
| 550 | Hũ vial 10mL                                                           |             |              |              |            |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | cái         | 20       |         |
| 551 | Giấy lọc định tính                                                     |             | Newstar      |              | Trung      |                   | Size 110mm 10 hộp,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Hộp/        | 20       |         |

| STT | Danh mục hàng hóa                             | Ký mã hiệu         | Nhãn hiệu    | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất  | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                                                       | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------|--------------------|--------------|--------------|------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
|     | chảy trung, hộp 100tờ -Newstar                |                    |              |              | Quốc       |                | size 55mm 10 hộp                                                                                                                  | 100 tờ      |          |         |
| 552 | Ống mao quản dài 80mm x đ kính 1.55mm, kín/hở | 2940210            | Marienfeld   |              |            |                |                                                                                                                                   | Hộp/100c    | 2        |         |
| 553 | Túi rác 64x78cm                               | Bao rác Đại-1Kg    | Co.op Select | 2025         | Việt Nam   | Saigon Coop    | Size sản phẩm: trung, 640 x 780 mm<br>Sản phẩm có màu đen, thân thiện với môi trường<br>Sản phẩm gồm 3 cuộn, tổng trọng lượng 1kg | Kg          | 2        |         |
| 554 | Cao su non                                    |                    | Việt Nam     |              |            |                |                                                                                                                                   | Cuộn        | 2        |         |
| 555 | dụng dịch chuẩn pH 10.4                       |                    |              |              |            |                |                                                                                                                                   |             | 1        |         |
| 556 | dụng dịch chuẩn pH 7.4                        |                    |              |              |            |                |                                                                                                                                   |             | 1        |         |
| 557 | dụng dịch chuẩn pH 4.0                        |                    |              |              |            |                |                                                                                                                                   |             | 1        |         |
| 558 | Bếp điện đơn                                  | ONELAB-HP-1500     | ONELAB       | 2024         | Trung Quốc | Zhejiang Huili | Công suất: 1000-1500W<br>Kích thước mặt gia nhiệt: Ø180 mm<br>Số vị trí đặt mẫu: 01                                               | Cái         | 3        |         |
| 559 | Tấm bản mỏng silica gel bằng nhôm 20*20cm     |                    |              |              |            |                |                                                                                                                                   |             |          |         |
| 560 | Acid acetic băng                              |                    |              |              |            |                |                                                                                                                                   | chai/500mL  | 3        |         |
| 561 | Ống Silicone 8*12 mm                          | US-C42530 - 008/12 | ONELAB       |              | Trung Quốc |                |                                                                                                                                   | mét         | 3        |         |
| 562 | Nhíp 16 cm                                    | FC200-160          | ONELAB       | 2024         |            |                |                                                                                                                                   |             | 5        |         |
| 563 | Ống nghiệm, 16x100                            | BLS.WR.07          | Biohall      | 2024         | Ấn Độ      | Biohall        | Vật liệu: ASTM E-438                                                                                                              | Cái         | 30       |         |

| STT | Danh mục hàng hóa     | Ký mã hiệu  | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ    | Hãng sản xuất | Cấu hình tính năng kỹ thuật                                                                           | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-------------|-----------|--------------|------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|
|     |                       |             | Germany   |              |            |               | Type-1 Class A, Thủy tinh Boro 3.3<br>Dung tích: 14 ml<br>Đường kính: 16 mm<br>Cao: 100 mm            |             |          |         |
| 564 | Dầu chân không sơ cấp |             |           | 2024-2025    | Trung Quốc |               |                                                                                                       | Can/ 5L     |          |         |
| 565 | Chổi quét nhà         |             |           |              |            |               |                                                                                                       |             | 1        |         |
| 566 | Chổi lau nhà          |             |           |              |            |               |                                                                                                       |             | 1        |         |
| 567 | Khăn lau              |             |           |              |            |               |                                                                                                       |             | 5        |         |
| 568 | Nước rửa tay 180 g    | lifebuoy180 | Lifebuoy  | 2024         | Việt Nam   | Lifebuoy      | Dạng chai 450 gam<br>Ngăn ngừa vi khuẩn lây lan trên da với ion Bạc+ hỗ trợ cùng đề kháng da tự nhiên | Chai/180g   | 5        |         |
| 569 | Ethyl acetate         |             |           |              |            |               |                                                                                                       | Chai/500mL  | 5        |         |



## PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

| STT | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (Đã bao gồm thuế GTGT) | Thành tiền (Đã bao gồm thuế GTGT) | Thời gian giao hàng | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------|-----------|--------------|-----------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|----------|--------------------------------|-----------------------------------|---------------------|---------|
| 1.  |                   |            |           |              |                                   |               |                                     |             |          |                                |                                   |                     |         |
| 2.  |                   |            |           |              |                                   |               |                                     |             |          |                                |                                   |                     |         |

### Điều khoản thương mại:

- Thời hạn hiệu lực của báo giá:
- Thời gian giao hàng:
- Điều khoản thanh toán:
- Điều khoản bảo hành